

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP MÔN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

Câu 1: Trình bày nguồn gốc và quá trình hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh?

1. Nguồn gốc hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh.

Tư tưởng Hồ Chí Minh là sản phẩm của sự kết hợp giữa yếu tố khách quan (thực tiễn và tư tưởng, văn hoá) với yếu tố chủ quan (những phẩm chất của Hồ Chí Minh).

a) Truyền thống tư tưởng và văn hoá Việt Nam.

UNESCO khẳng định: tư tưởng Hồ Chí Minh là sự kết tinh truyền thống văn hoá hàng nghìn năm của dân tộc Việt Nam.

Trước tiên, đó là chủ nghĩa yêu nước và ý chí bất khuất đấu tranh để dựng nước và giữ nước. Đây là truyền thống tư tưởng quý báu nhất, nguồn sức mạnh lớn nhất trong đấu tranh dựng nước, giữ nước của dân tộc ta. Điều đó được phản ánh từ văn hoá dân gian đến văn hoá bác học, từ những nhân vật truyền thuyết như Thánh Gióng, đến các anh hùng thời xa xưa như Thục Phán, Hai Bà Trưng, Bà Triệu... đến những anh hùng nổi tiếng thời phong kiến như Ngô Quyền, Phùng Hưng, Trần Quốc Tuấn, Lê Lợi, Nguyễn Trãi, Nguyễn Huệ... Chủ nghĩa yêu nước là giá trị văn hoá cao nhất, đứng đầu bảng giá trị văn hoá tinh thần Việt Nam, nó làm thành dòng chảy chủ lưu xuyên suốt lịch sử dân tộc, tạo thành cơ sở vững chắc để nhân dân ta tiếp thu những giá trị văn hoá từ bên ngoài làm phong phú văn hoá dân tộc và không ngừng phát triển.

Thứ hai là tinh thần nhân nghĩa, truyền thống đoàn kết, tương thân, tương ái, “lá lành đùm lá rách” trong hoạn nạn, khó khăn. Điều kiện địa lý và chính trị đã đưa nhân dân ta tạo dựng truyền thống này ngay từ buổi bình minh của dân tộc. Các thế hệ Việt Nam đều trao truyền cho nhau:

Nhiều điều phải lấy giá gương

Người trong một nước phải thương nhau cùng.

Ba mươi năm bôn ba hải ngoại, năm 1941 vừa về nước, Hồ Chí Minh đã nhắc nhở nhân dân ta: “Dân ta phải biết sử ta”. “Sử ta dạy cho ta bài học này: Lúc nào dân ta đoàn kết muôn người như một thì nước ta độc lập, tự do”. Người căn dặn: “Dân ta xin nhớ chữ đồng: Đồng tình, đồng sức, đồng lòng, đồng minh!”.

Thứ ba là truyền thống lạc quan yêu đời của dân tộc ta được kết tinh qua hàng ngàn năm nhân dân ta vượt qua muôn nguy, ngàn khó, lạc quan tin tưởng vào tiền đồ dân tộc, tin tưởng vào chính mình. Hồ Chí Minh là điểm kết tinh rực rỡ của truyền thống lạc quan yêu đời của dân tộc đã tạo cho mình một sức mạnh phi thường vượt qua mọi khó khăn, thử thách đi đến chiến thắng.

Thứ tư là nhân dân ta có truyền thống cần cù, dũng cảm, thông minh sáng tạo trong sản xuất và chiến đấu, đồng thời ham học hỏi và không ngừng mở rộng cửa đón nhận tinh hoa văn hoá nhân loại. Dân tộc ta trụ vững trên mảnh đất nối liền Nam-Bắc, Đông-Tây, từ rất sớm người Việt Nam đã xa lạ với đầu óc hẹp hòi, thủ cựu, thói bài ngoại cực đoan. Mà trên cơ sở giữ vững bản sắc dân tộc, nhân dân ta đã biết chọn lọc, tiếp biến những cái hay, cái tốt, cái đẹp từ bên ngoài và biến nó thành cái thuần túy Việt Nam.

b) Tinh hoa văn hoá nhân loại

Từ nhỏ, Hồ Chí Minh đã được tiếp thu văn hoá phương Đông. Lớn lên Người bôn ba khắp thế giới, đặc biệt ở các nước phương Tây. Trí tuệ miến tiếp, ham học hỏi nên ở Người đã có vốn hiểu biết văn hoá Đông-Tây kim cổ uyên bác.

c) Tư tưởng văn hoá phương Đông

Về Nho giáo, Hồ Chí Minh được tiếp thu Nho giáo từ nhỏ, Người hiểu sâu sắc về Nho giáo. Người nhận xét về cụ Khổng Tử, người sáng lập ra Nho giáo tuy là phong kiến nhưng Cụ có những cái hay thì phải học lấy. Cái phong kiến lạc hậu của Nho giáo là duy tâm, đẳng cấp nặng nề, khinh thường lao động chân tay, coi khinh phụ nữ... thì Hồ Chí Minh phê phán triệt để. Nhưng những yếu tố tích cực của Nho giáo như triết lý hành động, tư tưởng nhập thế, hành đạo, giúp đời; lý tưởng về một xã hội bình trị, một “thế giới đại đồng”; triết lý nhân sinh: tu thân dưỡng tính; tư tưởng đề cao văn hóa, lễ giáo, tạo ra truyền thống hiếu học... đã được Hồ Chí Minh khai thác để phục vụ nhiệm vụ cách mạng.

Về Phật giáo: Phật giáo vào Việt Nam từ rất sớm. Trải qua hàng trăm năm ảnh hưởng, Phật giáo đã đi vào văn hoá Việt Nam, từ tư tưởng, tình cảm, tín ngưỡng, phong tục tập quán, lối sống... Phật giáo là tôn giáo. Hồ Chí Minh nhận xét: tôn giáo là duy tâm... Nhưng Người cũng chỉ ra nhiều điều hay của Phật giáo mà nó đã đi vào tư duy, hành động, cách ứng xử của người Việt Nam. Đó là những điều cần được khai thác để góp vào việc thực hiện nhiệm vụ cách mạng như tư tưởng vị tha, từ bi, bác ái, cứu khổ, cứu nạn, thương người như thể thương thân, một tình yêu bao la đến cả chim muông, cỏ cây. Phật giáo dạy con người nếp sống có đạo đức, trong sạch, giản dị, chăm lo làm điều thiện. Phật giáo có tinh thần bình đẳng, tinh thần dân chủ chất phác, chống lại mọi phân biệt đẳng cấp. Hoặc như Phật giáo Thiền tông đề ra luật “Chấp tác”: “nhất nhật bất tác, nhất nhật bất thực”, đề cao lao động, chống lười biếng. Đặc biệt là từ truyền thống yêu

nước của dân tộc đã làm nảy sinh nên Thiên phái Trúc Lâm Việt Nam, chủ trương không xa đời mà sống gần bó với nhân dân, với đất nước, tham gia vào cộng đồng, vào cuộc đấu tranh của nhân dân, chống kẻ thù dân tộc.

Ngoài ra, còn thấy Hồ Chí Minh bàn đến các giá trị văn hoá phương Đông khác như Lão tử, Mặc tử, Quản tử... cũng như về chủ nghĩa tam dân của Tôn Trung Sơn mà Người tìm thấy “những điều thích hợp với nước ta”.

d) Tư tưởng và văn hoá phương Tây.

Ngay khi còn học ở trong nước, Nguyễn Tất Thành đã làm quen với văn hoá Pháp, đặc biệt là ham mê môn lịch sử và muốn tìm hiểu về cách mạng Pháp 1789. Ba mươi năm liên tục ở nước ngoài, sống chủ yếu ở Châu Âu, nên Nguyễn ái Quốc cũng chịu ảnh hưởng rất sâu rộng của nền văn hoá dân chủ và cách mạng của phương Tây.

Hồ Chí Minh thường nói tới ý chí đấu tranh cho tự do, độc lập, cho quyền sống của con người trong Tuyên ngôn độc lập, 1776 của Mỹ. Khi ở Anh, Người gia nhập công đoàn thuỷ thủ và cùng giai cấp công nhân Anh tham gia các cuộc biểu tình, đình công bên bờ sông Thêmsơ... Năm 1917, Người trở lại nước Pháp, sống tại Pari-trung tâm chính trị văn hoá-ngệ thuật của châu Âu. Người gần gũi với phong trào công nhân Pháp và tiếp xúc trực tiếp với các tác phẩm của các nhà tư tưởng khai sáng như Vonte, Rutzô, Môngtêtxkiơ... Tư tưởng dân chủ của các nhà khai sáng đã có ảnh hưởng tới tư tưởng của Nguyễn ái Quốc. Từ đó mà hình thành phong cách dân chủ, cách làm việc dân chủ ở Người.

Có thể thấy, trên hành trình tìm đường cứu nước, Nguyễn ái Quốc đã biết làm giàu trí tuệ của mình bằng vốn trí tuệ của thời đại, Đông và Tây, vừa thâm thúy vừa gọn lọc để có thể từ tầm cao tri thức nhân loại mà suy nghĩ và lựa chọn, kế thừa và đổi mới, vận dụng và phát triển.

e) Chủ nghĩa Mác-Lênin

Đến với chủ nghĩa Mác-Lênin, Hồ Chí Minh đã tìm được cơ sở thế giới quan và phương pháp luận của tư tưởng của mình. Nhờ vậy Người đã hấp thụ và chuyển hoá được những nhân tố tích cực và tiến bộ của truyền thống dân tộc cũng như của tư tưởng văn hoá nhân loại tạo nên hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh. Vì vậy tư tưởng Hồ Chí Minh thuộc hệ tư tưởng Mác-Lênin; đồng thời nó còn là sự vận dụng và phát triển làm phong phú chủ nghĩa Mác-Lênin ở thời đại các dân tộc bị áp bức vùng lên giành độc lập tự do, xây dựng đời sống mới.

g) Những nhân tố thuộc về phẩm chất của Nguyễn ái Quốc

Trong cùng những điều kiện như trên mà chỉ có Hồ Chí Minh được UNESCO công nhận là anh hùng giải phóng dân tộc, nhà văn hoá kiệt xuất. Rõ ràng yếu tố chủ quan ở Hồ Chí Minh có vai trò đặc biệt quan trọng trong việc hình thành tư tưởng của Người.

Trước hết, ở Nguyễn ái Quốc-Hồ Chí Minh có một tư duy độc lập, tự chủ, sáng tạo cộng với đầu óc phê phán tinh tường sáng suốt trong việc nghiên cứu, tìm hiểu những tinh hoa tư tưởng, văn hoá và cách mạng cả trên thế giới và trong nước.

Hai là, sự khổ công học tập của Nguyễn ái Quốc đã chiếm lĩnh được vốn tri thức phong phú của thời đại, với kinh nghiệm đấu tranh của phong trào giải phóng dân tộc, phong trào công nhân quốc tế để có thể tiếp cận với chủ nghĩa Mác-Lênin khoa học và cách mạng.

Ba là, Nguyễn ái Quốc-Hồ Chí Minh có tâm hồn của một nhà yêu nước, một chiến sĩ cộng sản nhiệt thành cách mạng, một trái tim yêu nước, thương dân, thương yêu những người cùng khổ, sẵn sàng chịu đựng những hy sinh cao nhất vì độc lập của Tổ quốc, vì tự do, hạnh phúc của đồng bào.

Những phẩm chất cá nhân hiếm có đó đã giúp Nguyễn ái Quốc tiếp nhận, chọn lọc, chuyển hoá phát triển tinh hoa dân tộc và thời đại thành tư tưởng đặc sắc của mình.

2. Quá trình hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh.

Tư tưởng Hồ Chí Minh là một hệ thống quan điểm về cách mạng Việt Nam không thể hình thành ngay trong một lúc mà trải qua một quá trình tìm tòi, xác lập, phát triển và hoàn thiện, gắn liền với quá trình phát triển lớn mạnh của Đảng ta và cách mạng Việt Nam. Quá trình đó diễn ra qua các thời kỳ chính như sau:

a) Từ 1890 đến 1911: Là thời kỳ hình thành tư tưởng yêu nước và chí hướng cách mạng.

Thời kỳ này Nguyễn Sinh Cung-Nguyễn Tất Thành tiếp nhận truyền thống yêu nước và nhân nghĩa của dân tộc, hấp thụ vốn văn hoá Quốc học, Hán học và bước đầu tiếp xúc với văn hoá phương Tây; chú ý kiến thân phận nô lệ đọa đày của nhân dân ta và tinh thần đấu tranh bất khuất của cha anh, hình thành hoài bão cứu nước. Nhờ vậy chí hướng cách mạng của Nguyễn Tất Thành ngay từ đầu đã đi đúng hướng, đúng đích, đúng cách.

b) Từ 1911 đến 1920: Thời kỳ tìm tòi, khảo nghiệm.

Là thời kỳ Nguyễn Tất Thành thực hiện một cuộc khảo nghiệm toàn diện, sâu rộng trên bình diện toàn thế giới.

Đi đến cùng, Người đã gặp chủ nghĩa Mác-Lênin (qua việc tiếp xúc với Luận cương của Lênin về vấn đề dân tộc và thuộc địa). Nguyễn ái Quốc đã đi đến quyết định tham gia Quốc tế Cộng sản, tham gia sáng lập Đảng Cộng sản Pháp. Đây là sự chuyển biến về chất trong tư tưởng Hồ Chí Minh, từ chủ nghĩa yêu nước đến chủ nghĩa cộng sản, từ giác ngộ dân tộc đến giác ngộ giai cấp, từ người yêu nước thành người cộng sản và tìm thấy con đường giải phóng cho dân tộc.

c) Từ 1921 đến 1930: Thời kỳ hình thành cơ bản tư tưởng Hồ Chí Minh về Con đường cách mạng Việt Nam.

Là thời kỳ hoạt động lý luận và thực tiễn cực kỳ sôi nổi của Nguyễn ái Quốc. Người hoạt động tích cực trong Ban nghiên cứu thuộc địa của Đảng Cộng sản Pháp, tham gia sáng lập Hội liên hiệp thuộc địa, xuất bản báo Le Paria nhằm tuyên truyền chủ nghĩa Mác-Lênin vào các nước thuộc địa. Tham gia trong các tổ chức của Quốc tế Cộng sản tại Matxcơva. Cuối 1924, Nguyễn ái Quốc về Quảng Châu (Trung Quốc) tổ chức ra Hội Việt Nam cách mạng thanh niên, ra báo Thanh niên, mở nhiều lớp huấn luyện chính trị, đào tạo cán bộ cho cách mạng Việt Nam. Đầu xuân 1930, Người tổ chức ra Đảng Cộng sản Việt Nam và trực tiếp thảo ra Cương lĩnh đầu tiên của Đảng. Văn kiện này cùng các tác phẩm Người xuất bản trước đó là Bản án chế độ thực dân Pháp (1925) và Đường cách mệnh (1927) đã đánh dấu sự hình thành cơ bản tư tưởng Hồ Chí Minh về con đường cách mạng Việt Nam.

d) Từ 1930 đến 1941: Là thời kỳ vượt qua thử thách kiên trì con đường đã xác định cho cách mạng Việt Nam.

Do những hạn chế về hiểu biết thực tiễn Việt Nam, lại bị quan điểm “tả khuynh” chi phối nên Quốc tế Cộng sản đã phê phán, chủ trì đường lối của Nguyễn ái Quốc ở Hội nghị thành lập Đảng đầu xuân 1930. Dưới sự chỉ đạo của Quốc tế Cộng sản, Hội nghị tháng 10-1930 của Đảng đi tới nghị quyết thủ tiêu Chánh cương, Sách lược văn tấu và điều lệ của Đảng được thông qua ở Hội nghị thành lập Đảng.

Thực tiễn cách mạng nước ta đã hoàn thiện đường lối của Đảng và sự hoàn thiện đó đã trở về với tư tưởng Hồ Chí Minh vào cuối những năm 30 của thế kỷ XX.

Từ 1941 đến 1969: Thời kỳ phát triển và thắng lợi của tư tưởng Hồ Chí Minh.

Ngày 28-1-1941, sau 30 năm hoạt động của cách mạng trên thế giới, Nguyễn ái Quốc về nước cùng Trung ương Đảng trực tiếp lãnh đạo cách mạng Việt Nam. Tháng 5-1941, Người triệu tập, chủ trì Hội nghị lần thứ 8 của Đảng, hoàn thành việc chuyển hướng chỉ đạo chiến lược của Đảng. Cách mạng Việt Nam vận động mạnh mẽ theo đường lối của Đảng thông qua ở Hội nghị Trung ương 8, đã dẫn đến thắng lợi của cách mạng Tháng Tám 1945-thắng lợi đầu tiên của tư tưởng Hồ Chí Minh.

Thời kỳ này tư tưởng Hồ Chí Minh được bổ sung, phát triển và hoàn thiện trên một loạt vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam: Về chiến tranh nhân dân: xây dựng chủ nghĩa xã hội ở một nước vốn là thuộc địa nửa phong kiến, quá độ lên xã hội chủ nghĩa không trải qua chế độ tư bản chủ nghĩa trong điều kiện đất nước bị chia cắt và có chiến tranh; về xây dựng Đảng trong điều kiện Đảng cầm quyền: về xây dựng Nhà nước của dân, do dân, vì dân; về củng cố và tăng cường sự nhất trí trong phong trào cộng sản và công nhân quốc tế...

Vinh biệt Đảng, dân tộc, Hồ Chí Minh để lại Di chúc thiêng liêng mang tính cương lĩnh cho sự phát triển của đất nước và dân tộc sau khi kháng chiến thắng lợi.

Thấm thía giá trị tư tưởng Hồ Chí Minh, đi vào sự nghiệp đổi mới, tại Đại hội VII (1991) Đảng ta khẳng định: Đảng lấy chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng kim chỉ nam cho hành động.

Đại diện đặc biệt của Tổng giám đốc UNESCO- tiến sĩ M.Ahmed đã cho rằng: Người sẽ được ghi nhớ không phải chỉ là người giải phóng cho Tổ quốc và nhân dân bị đô hộ mà còn là một nhà hiền triết hiện đại đã mang lại một viễn cảnh và hy vọng mới cho những người đang đấu tranh không khoan nhượng để loại bỏ bất công, bất bình đẳng khỏi trái đất này.

Câu 2 : Điều kiện xã hội hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh? Vai trò của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với sự nghiệp lãnh đạo của Đảng với thực tiễn cách mạng Việt Nam hơn 77 năm qua?

1. Điều kiện xã hội hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh.

Tư tưởng Hồ Chí Minh cũng giống như tư tưởng của nhiều vĩ nhân khác được hình thành dưới tác động, ảnh hưởng của những điều kiện lịch sử-xã hội nhất định của dân tộc và thời đại mà nhà tư tưởng đã sống. Tư tưởng Hồ Chí Minh là sản phẩm tất yếu của cách mạng Việt Nam, ra đời do yêu cầu khách quan và là sự giải đáp thiên tài của Hồ Chí Minh về những nhu cầu bức thiết đó của cách mạng Việt Nam đặt ra từ

đầu thế kỷ XX tới ngày nay. Những điều kiện lịch sử-xã hội tác động, ảnh hưởng tới sự ra đời tư tưởng Hồ Chí Minh có thể khái quát những vấn đề chính như sau:

Điều kiện lịch sử-xã hội Việt Nam

Cho đến năm 1958, khi thực dân Pháp nổ súng xâm lược Việt Nam thì nước ta vẫn là một xã hội phong kiến, nông nghiệp lạc hậu, trì trệ. Khi thực dân Pháp xâm lược, lúc đầu triều đình nhà Nguyễn có chống cự yếu ớt, sau đã từng bước nhân nhượng, cầu hoà và cuối cùng là cam chịu đầu hàng để giữ lấy ngai vàng và lợi ích riêng của hoàng tộc. Nhân dân ta lâm vào hoàn cảnh khó khăn chưa bao giờ có là cùng một lúc phải chống “cả Triều lẫn Tây”.

Từ năm 1958 đến cuối thế kỷ XIX, dưới ngọn cờ phong kiến, phong trào vũ trang kháng chiến chống Pháp bởi tinh thần yêu nước nhiệt thành và chí căm thù giặc sôi sục đã rầm rộ bùng lên, dâng cao và lan rộng trong cả nước: từ Trương Định, Nguyễn Trung Trực... ở Nam Bộ; Trần Tấn, Đặng Như Mai, Nguyễn Xuân Ôn, Phan Đình Phùng... ở miền Trung đến Nguyễn Thiện Thuật, Nguyễn Quang Bích... ở miền Bắc. Nhưng đường lối kháng chiến chưa rõ ràng nên trước sau đều thất bại. Rõ ràng ngọn cờ cứu nước theo hệ tư tưởng phong kiến đã bất lực trước đòi hỏi giành lại độc lập của dân tộc.

Sang đầu thế kỷ XX trước chính sách khai thác thuộc địa lần thứ nhất của thực dân Pháp, xã hội Việt Nam bắt đầu có sự biến chuyển và phân hoá, các tầng lớp tiểu tư sản và mầm mống giai cấp tư sản bắt đầu xuất hiện. Đồng thời các “tân thư” và ảnh hưởng của cuộc vận động cải cách của Khang Hữu Vi, Lương Khải Siêu từ Trung Quốc vào Việt Nam. Phong trào chống Pháp của nhân dân ta chuyển dần sang xu hướng dân chủ tư sản với sự xuất hiện của các phong trào Đông Du, Duy Tân, Đông Kinh Nghĩa Thục, Việt Nam Quang phục hội... Các phong trào chưa lôi cuốn lớp nhân dân và chủ yếu vẫn do các sĩ phu phong kiến cự học dẫn dắt nên có rất nhiều hạn chế và cuối cùng cũng lần lượt bị dập tắt.

Cuối thập niên đầu của thế kỷ XX, khi Nguyễn Tất Thành lớn lên, phong trào cứu nước đang ở vào thời kỳ khó khăn nhất. Muốn giành thắng lợi, phong trào cứu nước của nhân dân ta phải đi theo một con đường mới.

Gia đình và quê hương

Hồ Chí Minh sinh ra trong một gia đình nhà nho yêu nước, gần gũi với nhân dân. Thân phụ của Người là cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc-một nhà nho cấp tiến, có lòng yêu nước thương dân sâu sắc, có ý chí kiên cường vượt qua gian khổ, khó khăn, đặc biệt có tư tưởng thương dân, chủ trương lấy dân làm hậu thuẫn cho mọi cải cách chính trị-xã hội đã ảnh hưởng sâu sắc đối với sự hình thành nhân cách của Nguyễn Tất Thành. Tiếp thu tư tưởng trên của người cha, sau này Nguyễn ái Quốc nâng lên thành tư tưởng cốt lõi trong đường lối chính trị của mình.

Quê hương của Hồ Chí Minh là Nghệ Tĩnh, một miền quê giàu truyền thống yêu nước, chống giặc ngoại xâm, xuất hiện nhiều anh hùng như Mai Thúc Loan, Nguyễn Biểu, Đặng Dung, Phan Đình Phùng, Phan Bội Châu... Ngay mảnh đất Kim Liên đã thấm máu anh hùng của bao liệt sĩ như Vương Thúc Mậu, Nguyễn Sinh Quyến... Anh chị của Nguyễn Tất Thành cũng hoạt động yêu nước, bị thực dân Pháp bắt giam cầm và lưu đầy hàng chục năm.

Quê hương, gia đình, đất nước đã chuẩn bị cho Nguyễn Tất Thành nhiều mặt và có vinh dự đã sinh ra vị anh hùng giải phóng dân tộc, nhà tư tưởng, nhà văn hoá kiệt xuất.

Điều kiện thời đại

Đầu thế kỷ XX, chủ nghĩa tư bản tự do cạnh tranh đã chuyển sang giai đoạn đế quốc chủ nghĩa. Chúng vừa tranh giành xâm lược thuộc địa vừa vào hòa với nhau để nô dịch các dân tộc nhỏ yếu trong vòng kẹp thuộc địa của chúng. Bởi vậy, cuộc đấu tranh giải phóng thuộc địa đã trở thành cuộc đấu tranh chung của các dân tộc thuộc địa chống chủ nghĩa đế quốc thực dân gắn liền với cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản quốc tế.

Khi còn ở trong nước, Nguyễn Tất Thành chưa nhận thức được đặc điểm của thời đại. Tuy vậy, Người cũng thấy rõ con đường cứu nước của các bậc cha anh là cũ kỹ, không thể có kết quả. Nguyễn Tất Thành xác định phải đi ra nước ngoài, đi tìm một con đường mới. Nguyễn Tất Thành đã vượt ba đại dương, bốn châu lục, tới gần 30 nước-quan sát nghiên cứu các nước thuộc địa và các nước tư bản. Nguyễn Tất Thành trở thành người đi nhiều nhất, có vốn hiểu biết phong phú nhất.

Cuối năm 1917, Nguyễn Tất Thành từ Anh về sống và hoạt động ở Pari-thủ đô nước Pháp. Gắn bó với phong trào lao động Pháp, với những người Việt Nam, với những nhà cách mạng từ các thuộc địa Pháp, Nguyễn Tất Thành đã đến với những người phái tả của cách mạng Pháp và sau đó gia nhập Đảng xã hội Pháp (1919)- một chính đảng duy nhất của Pháp bên vực các dân tộc thuộc địa.

Năm 1919, Hội nghị hoà bình được khai mạc ở Vécxây, Nguyễn ái Quốc đã có hoạt động mang nhiều ý nghĩa. Người đã nhân danh những người Việt Nam yêu nước gửi tới Hội nghị bản Yêu sách của nhân dân An Nam, đòi các quyền tự do, dân chủ tối thiểu cho nước ta. Bản yêu sách đã không được chấp nhận. Từ đó,

Nguyễn ái Quốc đã rút ra kết luận: Muốn được giải phóng, các dân tộc chỉ có thể trông cậy vào bản thân mình.

Cách mạng Tháng Mười Nga năm 1917 nổ ra và giành thắng lợi đã mở ra thời đại mới-thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội, mở ra con đường giải phóng các dân tộc thuộc địa và phụ thuộc.

Trước sự phân hoá về đường lối trong các Đảng Dân chủ Xã hội- Quốc tế II, tháng 3-1919, Lênin sáng lập ra Quốc tế Cộng sản (Quốc tế III)- là tổ chức có sứ mệnh bảo vệ, phát triển chủ nghĩa Mác trong điều kiện mới, và dẫn dắt phong trào cách mạng thế giới. Quốc tế Cộng sản ra đời có ý nghĩa và tác động to lớn tới phong trào cách mạng trên thế giới.

Trên hành trình tìm đường cứu nước, đến giữa năm 1920, Nguyễn ái Quốc đã có những nhận thức kế cận với những quan điểm của chủ nghĩa Lênin. Nguyễn ái Quốc đã nhận thức về quan hệ áp bức dân tộc đến nhận thức về quan hệ áp bức giai cấp; từ quyền của các dân tộc đến quyền của con người; từ xác định rõ kẻ thù là chủ nghĩa đế quốc đến nhận rõ bạn đồng minh là nhân dân lao động ở các nước chính quốc và thuộc địa. Bởi vậy, giữa tháng 7-1920, khi đọc Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và thuộc địa của Lênin, Nguyễn ái Quốc thấy những điều mình nung nấu bấy nay được Lênin diễn đạt một cách đầy đủ và sâu sắc. Từ đây Người hoàn toàn tin tưởng theo Lênin.

Nguyễn ái Quốc cùng các đảng viên khác trong Đảng xã hội Pháp tham gia vào cuộc tranh luận về đường lối chiến lược, sách lược của Đảng. Đến Đại hội lần thứ 18 Đảng xã hội Pháp (12-1920) kết thúc cuộc tranh luận kéo dài này đã đánh dấu bước ngoặt trong cuộc đời hoạt động của Nguyễn ái Quốc: từ chủ nghĩa yêu nước đến với chủ nghĩa Mác-Lênin, trở thành người cộng sản, tìm thấy con đường giải phóng dân tộc mình trong trào lưu cách mạng thế giới.

Như vậy, trong điều kiện lịch sử Việt Nam và thế giới cuối thế kỷ XIX đến những năm 20 của thế kỷ XX, với trí tuệ lớn của Hồ Chí Minh đã trở thành hợp điểm gặp gỡ quan trọng của trí tuệ Việt Nam và trí tuệ thời đại, giữa chủ nghĩa yêu nước Việt Nam và chủ nghĩa Mác-Lênin, hình thành nên tư tưởng Hồ Chí Minh.

2. Vai trò của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với sự nghiệp lãnh đạo của Đảng với thực tiễn cách mạng Việt Nam hơn 77 năm qua?

Câu 3: Trình bày những nội dung cơ bản tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc? Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc trong công cuộc đổi mới hiện nay?

a. Những nội dung cơ bản tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc.

Dân tộc là sản phẩm của quá trình phát triển lâu dài của lịch sử. Trước dân tộc là những tổ chức cộng đồng tiền dân tộc như thị tộc, bộ lạc, bộ tộc. Sự ra đời và phát triển của chủ nghĩa tư bản dẫn đến sự ra đời của các nhà nước dân tộc tư bản chủ nghĩa. Khi chủ nghĩa đế quốc ra đời đã đi xâm chiếm và thống trị các dân tộc nhược tiểu, từ đó xuất hiện vấn đề dân tộc thuộc địa. Khái niệm dân tộc trong di sản tư tưởng Hồ Chí Minh là khái niệm dân tộc quốc gia, dân tộc thuộc địa. Tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc có những nội dung chính là:

- **Độc lập, tự do là quyền thiêng liêng, bất khả xâm phạm của tất cả các dân tộc.** Theo Hồ Chí Minh:

+ Độc lập của Tổ quốc, tự do của nhân dân là thiêng liêng nhất. Người đã từng khẳng định: Cái mà tôi cần nhất trên đời này là: Đồng bào tôi được tự do, Tổ quốc tôi được độc lập. Khi thành lập Đảng năm 1930, Người xác định cách mạng Việt Nam: Đánh đổ đế quốc chủ nghĩa Pháp và bọn phong kiến để làm cho nước Nam hoàn toàn độc lập. Năm 1941, về nước trực tiếp lãnh đạo cách mạng. Người viết thư Kính cáo đồng bào và chỉ rõ: Trong lúc này quyền lợi dân tộc giải phóng cao hơn hết thảy. Bởi vậy, năm 1945 khi thời cơ cách mạng chín muồi, Người khẳng định quyết tâm: Dù có phải đốt cháy cả dãy Trường Sơn cũng phải kiên quyết giành cho được độc lập.

Độc lập- thống nhất- chủ quyền- toàn vẹn lãnh thổ là quyền thiêng liêng, bất khả xâm phạm của một dân tộc. Bởi vậy khi giành được độc lập dân tộc năm 1945, Hồ Chí Minh tuyên bố: “Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và sự thật đã thành một nước tự do độc lập. Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do, độc lập ấy”. Nhưng ngay sau đó 21 ngày, thực dân Pháp một lần nữa trở lại xâm lược nước ta. Để bảo vệ quyền thiêng liêng của dân tộc, Hồ Chí Minh đã ra lời kêu gọi vang dậy núi sông: “Không! Chúng ta thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ”. Những năm 60 của thế kỷ XX, khi đế quốc Mỹ điên cuồng mở rộng chiến tranh ra miền Bắc hòng khuất phục ý chí độc lập, tự do của nhân dân ta, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã trả lời bằng chân lý bất hủ “Không có gì quý hơn độc lập, tự do. Hễ còn một tên xâm lược trên đất nước ta thì ta phải chiến đấu quét sạch nó đi”. Chính bằng tinh thần, nghị lực này cả dân tộc ta đứng dậy

đánh cho Mỹ cút, đánh cho Ngụy nhào, giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc. Và chính phủ Mỹ phải cam kết: “Hoa Kỳ và các nước khác tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của nước Việt Nam như Hiệp định Giơnevơ năm 1954 về Việt Nam đã công nhận”.

+ Dân tộc Việt Nam có quyền độc lập, tự do, bình đẳng như bất cứ dân tộc nào khác trên thế giới. Năm 1945, tiếp thu những nhân tố có giá trị trong tư tưởng và văn hoá phương Tây, Hồ Chí Minh đã khái quát nên chân lý: Tất cả các dân tộc trên thế giới đều sinh ra bình đẳng, dân tộc nào cũng có quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do.

- **Vấn đề dân tộc trong tư tưởng Hồ Chí Minh còn là sự kết hợp nhuần nhuyễn dân tộc với giai cấp, độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa yêu nước với chủ nghĩa quốc tế.**

Hồ Chí Minh khác lớp trước là Người giải quyết vấn đề dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc trên lập trường của chủ nghĩa Mác-Lênin, giành độc lập để đi lên chủ nghĩa xã hội, mối quan hệ dân tộc và giai cấp được đặt ra.

Vấn đề dân tộc, trong lịch sử cho thấy- ở thời đại nào cũng được nhận thức và giải quyết trên lập trường và theo quan điểm của một giai cấp nhất định. Đến thời đại cách mạng vô sản cho thấy chỉ đứng trên lập trường của giai cấp vô sản và cách mạng vô sản mới giải quyết được đúng đắn vấn đề dân tộc.

Mác-Ăngghen cho rằng, có triệt để xoá bỏ tình trạng bóc lột và áp bức giai cấp mới có điều kiện xoá bỏ ách áp bức dân tộc, mới đem lại độc lập thật sự cho dân tộc mình và các dân tộc khác. Chỉ có giai cấp vô sản với bản chất cách mạng và sứ mệnh lịch sử của mình mới có thể thực hiện được điều này.

Đến thời đại Lênin, chủ nghĩa đế quốc đã trở thành hệ thống thế giới. Theo Lênin, cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản ở chính quốc sẽ không thể giành được thắng lợi nếu nó không biết liên minh với cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc của các giá trị bị áp bức ở các nước thuộc địa. Bởi vậy khẩu hiệu của Mác được phát triển thành: “Vô sản toàn thế giới và các dân tộc bị áp bức, đoàn kết lại!”. Nguyễn ái Quốc đánh giá cao tư tưởng của Lênin, Người cho rằng: “Lênin đã đặt tiền đề cho một thời đại mới, thật sự cách mạng trong các nước thuộc địa”.

Tuy nhiên xuất phát từ yêu cầu và mục tiêu của cách mạng vô sản ở châu Âu, Mác-Ăngghen và Lênin vẫn tập trung nhiều hơn vào vấn đề giai cấp, vẫn “đặt lên hàng đầu và bảo vệ những lợi ích không phụ thuộc vào dân tộc và chung cho toàn thể giai cấp vô sản”.

Hồ Chí Minh đi tìm đường cứu nước, đến với chủ nghĩa Mác-Lênin, xác định con đường giải phóng dân tộc mình theo cách mạng vô sản, tức là Người đã tiếp thu lý luận về giai cấp và đấu tranh giai cấp của chủ nghĩa Mác-Lênin, thấy rõ mối quan hệ giữa dân tộc và giai cấp, giữa cách mạng giải phóng dân tộc và cách mạng vô sản. Nhưng xuất phát từ thực tiễn dân tộc thuộc địa, Hồ Chí Minh đã vận dụng sáng tạo và phát triển những quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin về vấn đề dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc.

Vì vậy, Nguyễn ái Quốc đã tiến hành đấu tranh, phê phán quan điểm sai trái của một số Đảng Cộng sản Tây Âu trong cách nhìn nhận, đánh giá về vai trò, vị trí, cũng như tương lai của cách mạng thuộc địa. Từ đó Nguyễn ái Quốc cho rằng: các dân tộc thuộc địa phải dựa vào sức của chính mình, đồng thời phải biết tranh thủ sự đoàn kết, ủng hộ của giai cấp vô sản và nhân dân lao động thế giới để trước hết đấu tranh giành độc lập dân tộc, từ thắng lợi này tiến lên làm cách mạng xã hội chủ nghĩa, góp phần vào tiến trình cách mạng thế giới.

Theo Hồ Chí Minh: chủ nghĩa yêu nước và tinh thần dân tộc là một động lực lớn của đất nước. Năm 1924, Nguyễn ái Quốc đề cập đến chủ nghĩa dân tộc ở thuộc địa- đó là chủ nghĩa dân tộc, chủ nghĩa yêu nước chân chính. Vì vậy “chủ nghĩa dân tộc là một động lực lớn của đất nước”. Nguyễn ái Quốc đã có sáng tạo lớn là Người xuất phát từ đặc điểm kinh tế ở thuộc địa Đông Dương còn lạc hậu, nên phân hoá giai cấp chưa triệt để, đấu tranh giai cấp ở đây không diễn ra giống như ở phương Tây. Trái lại các giai cấp ở Đông Dương vẫn có tương đồng lớn: dù là địa chủ hay nông dân họ đều là người nô lệ mất nước. Vì vậy, theo Nguyễn ái Quốc, trong cách mạng giải phóng dân tộc, người ta sẽ không thể làm gì được cho người An Nam nếu không dựa trên các động lực vĩ đại, và duy nhất của đời sống xã hội của họ. Nguyễn ái Quốc chủ trương: Phát động chủ nghĩa dân tộc bản xứ nhân danh Quốc tế Cộng sản. khi chủ nghĩa dân tộc của họ thắng lợi, nhất định chủ nghĩa dân tộc ấy biến thành chủ nghĩa quốc tế.

Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội

Ngay từ đầu những năm 20 của thế kỷ XX, Nguyễn ái Quốc đã sớm thấy được mối quan hệ chặt chẽ giữa sự nghiệp giải phóng dân tộc với sự nghiệp giải phóng giai cấp vô sản, nên Người khẳng định: “Cả hai cuộc giải phóng này chỉ có thể là sự nghiệp của chủ nghĩa cộng sản và của cách mạng thế giới”.

Năm 1930, khi thành lập Đảng ta, Nguyễn ái Quốc xác định cách mạng Việt Nam làm tư sản dân quyền cách mệnh và thổ địa cách mệnh (cách mạng dân tộc dân chủ) để đi tới xã hội cộng sản (cách mạng xã hội chủ nghĩa). Về sau Người tổng kết: “Chỉ có chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản mới giải phóng được các dân tộc bị áp bức và những người lao động trên thế giới khỏi ách nô lệ”.

Độc lập dân tộc phải đi tới chủ nghĩa xã hội mới xoá tận gốc cơ sở áp bức dân tộc và áp bức giai cấp. Như vậy, ở Hồ Chí Minh, yêu nước truyền thống đã phát triển thành yêu nước trên lập trường của giai cấp vô sản, độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội.

Tư tưởng Hồ Chí Minh còn chỉ ra: Đấu tranh cho dân tộc mình, đồng thời độc lập cho các dân tộc.

Nói đến quyền dân tộc, Hồ Chí Minh khẳng định: “Dân tộc nào cũng có quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do”. Ở Hồ Chí Minh, chủ nghĩa yêu nước chân chính luôn luôn thống nhất với chủ nghĩa đế quốc trong sáng.

Vì vậy năm 1914, khi ở Anh, Người đã đem toàn bộ số tiền dành dụm được từ đồng lương ít ỏi để ủng hộ quỹ kháng chiến của người Anh và nói với bạn mình rằng: “Chúng ta phải tranh đấu cho tự do, độc lập của các dân tộc khác như là tranh đấu cho dân tộc ta vậy”.

Người tôn trọng quyền tự quyết của các dân tộc. Nhưng Người cũng chủ trương ủng hộ cách mạng Trung Quốc, Lào, Campuchia... và “giúp bạn là tự giúp mình”.

b. Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc trong công cuộc đổi mới hiện nay.

1- Khơi dậy sức mạnh của chủ nghĩa yêu nước và tinh thần dân tộc, nguồn động lực mạnh mẽ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Hội nghị TW 6 (khoá 7) đã xác định rõ nguồn lực và phát huy nguồn lực để xây dựng và phát triển đất nước. Trong đó nguồn lực con người cả về thể chất và tinh thần là quan trọng nhất. Cần khơi dậy truyền thống yêu nước của con người Việt Nam biến thành động lực để chiến thắng kẻ thù, hôm nay xây dựng và phát triển kinh tế.

2- Quán triệt tư tưởng Hồ Chí Minh nhận thức và giải quyết vấn đề dân tộc trên quan điểm giai cấp.

Khẳng định rõ vai trò, sứ mệnh lịch sử của giai cấp vô sản, của Đảng Cộng sản, kết hợp vấn đề dân tộc và giai cấp đưa cách mạng Việt Nam từ giải phóng dân tộc lên CNXH. Đại đoàn kết dân tộc rộng rãi trên nền tảng liên minh công- nông và tầng lớp trí thức do Đảng lãnh đạo. Trong đấu tranh giành chính quyền phải sử dụng bạo lực của quần chúng cách mạng chống bạo lực phản cách mạng. Kiên trì mục tiêu độc lập dân tộc và CNXH.

3- Chăm lo xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc, giải quyết tốt mối quan hệ giữa các dân tộc anh em trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng nêu: vấn đề dân tộc và đại đoàn kết dân tộc luôn có vị trí chiến lược trong sự nghiệp cách mạng. Lịch sử ghi nhận công lao của các dân tộc miền núi đóng góp to lớn vào thắng lợi của cuộc kháng chiến chống xâm lược. Hồ Chí Minh nói: Đồng bào miền núi đã có nhiều công trạng vẻ vang và oanh liệt.

Trong công tác đền ơn, đáp nghĩa Hồ Chí Minh chỉ thị, các cấp bộ Đảng phải thi hành đúng chính sách dân tộc, thực hiện sự đoàn kết, bình đẳng, tương trợ giữa các dân tộc sao cho đạt mục tiêu: nhân dân no ấm hơn, mạnh khoẻ hơn. Văn hoá sẽ cao hơn. Giao thông thuận tiện hơn. Bản làng vui tươi hơn. Quốc phòng vững vàng hơn.

Câu 4: Phân tích và chứng minh bằng thực tiễn lịch sử Việt Nam những luận điểm của Hồ Chí Minh về cách mạng giải phóng dân tộc?

Tư tưởng Hồ Chí Minh về giải phóng dân tộc có nội dung thể hiện qua hệ thống các luận điểm cơ bản như sau:

- ***Cách mạng giải phóng dân tộc phải đi theo con đường cách mạng vô sản mới giành được thắng lợi hoàn toàn.***

Hồ Chí Minh nghiên cứu phát triển yêu nước đấu tranh giành độc lập dân tộc ở Việt Nam cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX đều bị thất bại do các phong trào này chưa có đường lối và phương pháp đấu tranh đúng đắn.

Các nước đế quốc liên kết với nhau đàn áp thống trị thuộc địa. Các thuộc địa đã trở thành nơi cung cấp nguyên liệu, vật liệu cho công nghiệp và cung cấp binh lính cho quân đội đế quốc đàn áp các phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân chính quốc.

Hồ Chí Minh xác định cách mạng giải phóng và cách mạng vô sản chính quốc có chung một kẻ thù là chủ nghĩa đế quốc thực dân. Hồ Chí Minh chỉ ra: Chủ nghĩa đế quốc như con đỉa hai vòi... và cách mạng giải phóng thuộc địa như cái cánh của cách mạng vô sản.

Vì vậy cách mạng giải phóng ở thuộc địa phải gắn bó chặt chẽ với cách mạng vô sản ở chính quốc, và phải đi theo con đường cách mạng vô sản mới giành được thắng lợi hoàn toàn.

- ***Cách mạng giải phóng dân tộc phải do Đảng của giai cấp công nhân lãnh đạo mới giành được thắng lợi.***

Các lực lượng lãnh đạo cách mạng giải phóng dân tộc trước khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời (1930) đều thất bại do chưa có một đường lối đúng đắn, chưa có một cơ sở lý luận dẫn đường.

Nguyễn ái Quốc phân tích và cho rằng, những người giác ngộ và cả nhân dân ta đều nhận thấy: làm cách mạng thì sống, không làm cách mạng thì chết. Nhưng cách mạng giải phóng dân tộc muốn thành công, theo Người trước tiên phải có đảng cách mạng lãnh đạo. Đảng có vững cách mạng mới thành công. Đảng muốn vững phải có chủ nghĩa làm cốt. Bây giờ học thuyết nhiều, chủ nghĩa nhiều, nhưng chủ nghĩa chân chính nhất, chắc chắn nhất, cách mạng nhất là chủ nghĩa Lênin. Cách mạng Việt Nam muốn thắng lợi phải đi theo chủ nghĩa Mác và chủ nghĩa Lênin.

Đảng cách mạng của giai cấp công nhân được trang bị lý luận Mác-Lênin, lý luận cách mạng và khoa học mới đủ sức đề ra chiến lược và sách lược giải phóng dân tộc theo quỹ đạo cách mạng vô sản, đó là tiền đề đầu tiên đưa cách mạng giải phóng đến thắng lợi.

- Cách mạng giải phóng dân tộc là sự nghiệp đoàn kết của toàn dân, trên cơ sở liên minh công nông.

Thấm nhuần nguyên lý của chủ nghĩa Mác-Lênin, Nguyễn ái Quốc khẳng định: Việt Nam làm cách mạng giải phóng dân tộc, đó “là việc chung cả dân chúng chứ không phải việc một hai người”. Cách mạng muốn thắng lợi phải đoàn kết toàn dân, phải làm cho “sĩ, nông, công, thương đều nhất trí chống lại cường quyền”. Trong sự nghiệp này phải lấy “công nông là người chủ cách mệnh... Công nông là cái gốc cách mệnh”.

Để đoàn kết toàn dân tộc, Nguyễn ái Quốc chủ trương xây dựng Mặt trận dân tộc thống nhất rộng rãi để liên kết sức mạnh toàn dân tộc đấu tranh giành độc lập, tự do. Khi soạn thảo cương lĩnh đầu tiên của Đảng (1930), trong Sách lược văn tấu, Nguyễn ái Quốc chủ trương: “Đảng phải hết sức liên lạc với tiểu tư sản trí thức, trung nông, Thanh niên, Tân Việt... để kéo họ đi về phe vô sản giai cấp. Còn đối với bọn phú, nông, trung, tiểu địa chủ và tư bản An Nam mà chưa rõ mặt phản cách mạng thì phải lợi dụng, ít lâu mới làm cho họ đứng trung lập. Bộ phận nào đã ra mặt phản cách mạng (Đảng Lập hiến...) thì phải đánh đổ”. Sách lược này phải được thực hiện trên quan điểm giai cấp vững vàng- như Người xác định: “Công nông là gốc cách mệnh; còn học trò, nhà buôn nhỏ, điền chủ cũng bị tư sản áp bức, song không cực khổ bằng công nông; ba hạng ấy chỉ là bầu bạn cách mệnh của công nông thôi”. Và “Trong khi liên lạc với các giai cấp, phải rất cẩn thận, không khi nào nhượng một chút lợi ích gì của công nông mà đi vào đường thỏa hiệp”.

Năm 1941, Nguyễn ái Quốc về nước trực tiếp lãnh đạo cách mạng giải phóng dân tộc, Người đề xuất với Đảng thành lập Mặt trận Việt Nam độc lập đồng minh (gọi tắt là Việt Minh). Người chủ trì Hội nghị Trung ương tám (5-1941) của Đảng và đã đi đến nghị quyết xác định “lực lượng cách mạng là khối đoàn kết toàn dân tộc”, “không phân biệt thợ thuyền, dân cày, phú nông, địa chủ, tư bản bản xứ, ai có lòng yêu nước thương nòi sẽ cùng nhau thống nhất mặt trận, thu góp toàn lực đem tất cả ra giành quyền độc lập, tự do cho dân tộc, đánh tan giặc Pháp- Nhật xâm chiếm nước ta”. Tháng 9-1955, Hồ Chí Minh khẳng định: “Mặt trận Việt Minh đã giúp cách mạng Tháng Tám thành công”.

- Cách mạng giải phóng dân tộc cần được tiến hành chủ động, sáng tạo và có khả năng giành thắng lợi trước cách mạng vô sản ở chính quốc.

Đây là luận điểm quan trọng, chẳng những thể hiện sự vận dụng sáng tạo mà còn là một bước phát triển chủ nghĩa Mác-Lênin của Hồ Chí Minh.

Mác-Ăngghen chưa có điều kiện bàn nhiều về cách mạng giải phóng dân tộc, các ông mới tập trung bàn về thắng lợi của cách mạng vô sản. Năm 1919, Quốc tế III ra đời đã chú ý tới cách mạng giải phóng dân tộc, nhưng còn đánh giá thấp vai trò của nó và cho rằng thắng lợi của cách mạng thuộc địa phụ thuộc vào thắng lợi của cách mạng vô sản ở chính quốc. Ngay Tuyên ngôn thành lập Quốc tế III có viết: “Công nhân và nông dân không những ở An Nam, Angiêri, bengalan mà cả ở Ba Tư hay ácmênia chỉ có thể giành được độc lập khi mà công nhân ở các nước Anh và Pháp lật đổ được Lôiit Gioocgiơ và Clêmăngxô, giành chính quyền nhà nước vào tay mình”.

Cho đến tháng 9-1928, Đại hội VI của Quốc tế III vẫn cho rằng: “Chỉ có thể thực hiện hoàn toàn công cuộc giải phóng các thuộc địa khi giai cấp vô sản giành được thắng lợi ở các nước tư bản tiên tiến”.

Vận dụng quan điểm của Lênin về mối quan hệ giữa cách mạng vô sản ở chính quốc với cách mạng giải phóng ở thuộc địa, vào tháng 6-1924, Nguyễn ái Quốc cho rằng: “Vận mệnh của giai cấp vô sản thế giới và đặc biệt là vận mệnh giai cấp vô sản ở các nước đi xâm lược thuộc địa gắn chặt với vận mệnh của giai cấp bị áp bức ở các thuộc địa..., nọc độc và sức sống của con rắn độc tư bản chủ nghĩa đang tập trung ở các nước thuộc địa”. Vì vậy, nếu khinh thường cách mạng ở thuộc địa tức là “muốn đánh chết rắn đằng đuôi”.

Trong Điều lệ của hội Liên hiệp lao động quốc tế, Mác viết: “Sự nghiệp giải phóng của giai cấp công nhân phải là sự nghiệp của bản thân giai cấp công nhân”. Vào năm 1925, khi nói với các dân tộc thuộc

địa, một lần nữa Nguyễn ái Quốc khẳng định: “Vận dụng công thức của Các Mác, chúng tôi xin nói với anh em rằng, công cuộc giải phóng anh em chỉ có thể thực hiện được bằng sự nỗ lực của bản thân anh em”.

Theo Nguyễn ái Quốc: “Cách mạng thuộc địa không những phụ thuộc vào cách mạng vô sản ở chính quốc mà có thể giành thắng lợi trước” và cách mạng thuộc địa “trong khi thủ tiêu một trong những điều kiện tồn tại của chủ nghĩa tư bản là chủ nghĩa đế quốc, họ có thể giúp đỡ những người anh em mình ở phương Tây trong nhiệm vụ giải phóng hoàn toàn”.

Chỉ có thể bằng chủ động nỗ lực vượt bậc của các dân tộc thuộc địa thì cách mạng giải phóng dân tộc mới giành thắng lợi trước cách mạng vô sản chính quốc được. Vì vậy, năm 1945 Hồ Chí Minh kêu gọi toàn dân Việt Nam “phải đem sức ta mà tự giải phóng cho ta”.

- Cách mạng giải phóng dân tộc phải được thực hiện bằng con đường bạo lực, kết hợp lực lượng chính trị của quần chúng với lực lượng vũ trang nhân dân.

+ Theo Mác: bạo lực là bà đỡ của mọi chính quyền cách mạng vì giai cấp thống trị bóc lột không bao giờ tự giao chính quyền cho lực lượng cách mạng.

+ Theo Hồ Chí Minh, cách mạng giải phóng dân tộc phải được thực hiện bằng con đường bạo lực được quy định bởi các yếu tố:

Sự thống trị của thực dân đế quốc ở thuộc địa vô cùng hà khắc, không hề có một chút quyền tự do dân chủ nào, không có cơ sở nào thực hành đấu tranh không bạo lực.

Cách mạng giải phóng dân tộc là lật đổ chế độ thực dân phong kiến giành chính quyền về tay cách mạng, nó phải được thực hiện bằng một cuộc khởi nghĩa vũ trang. Như ở Việt Nam, Hồ Chí Minh xác định đó là từ khởi nghĩa từng phần tiến lên tổng khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân.

+ Những sáng tạo và phát triển nguyên lý chủ nghĩa Mác-Lênin về con đường bạo lực ở Hồ Chí Minh là ở chỗ:

Khởi nghĩa vũ trang đương nhiên phải dùng vũ khí, phải chiến đấu bằng lực lượng vũ trang, nhưng không phải chỉ là một cuộc đấu tranh quân sự, mà là nhân dân vùng dậy, dùng vũ khí đuổi quân cướp nước. Đó là một cuộc đấu tranh to tát về chính trị và quân sự, là việc quan trọng, làm đúng thì thành công, làm sai thì thất bại.

Bởi vậy con đường bạo lực của Hồ Chí Minh là phải xây dựng hai lực lượng chính trị và vũ trang, trước hết là lực lượng chính trị.

Thực hành con đường bạo lực của Hồ Chí Minh là tiến hành đấu tranh chính trị, đấu tranh vũ trang, khi điều kiện cho phép thì thực hành đấu tranh ngoại giao; đồng thời phải biết kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang và đấu tranh ngoại giao để giành và giữ chính quyền.

Mặt khác kinh nghiệm của các nước trên thế giới như Trung Quốc, Ấn Độ... và của Việt Nam trước năm 1930 cho thấy đấu tranh chống đế quốc thực dân giành độc lập dân tộc chỉ thuần túy đấu tranh vũ trang, hoặc đấu tranh hòa bình đều thất bại.

Thành công của Cách mạng Tháng Tám và thắng lợi của hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và chống đế quốc Mỹ đã khẳng định tính đúng đắn cách mạng và sáng tạo của tư tưởng Hồ Chí Minh về cách mạng giải phóng dân tộc ở nước ta.

Câu 5: Những nội dung cơ bản tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam? Đảng ta vận dụng những quan điểm đó vào công cuộc đổi mới hiện nay như thế nào?

a. Những nội dung cơ bản tư tưởng Hồ Chí Minh về CNXH.

Tiếp thu lý luận về đặc trưng bản chất của chủ nghĩa xã hội do các nhà kinh điển Mác-Lênin vạch ra và kinh nghiệm thực tiễn xây dựng CNXH trên thế giới cũng như thực tiễn Việt Nam, Hồ Chí Minh đã bàn tới những vấn đề kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội và con người thể hiện rõ đặc trưng bản chất của CNXH.

- **CNXH có nền kinh tế phát triển cao**, dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và chế độ công hữu về các tư liệu sản xuất chủ yếu, nhằm không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân, trước hết là nhân dân lao động.

- **CNXH là một chế độ do nhân dân làm chủ**. Nhà nước phải phát huy quyền làm chủ của nhân dân để huy động được tính tích cực và sáng tạo của nhân dân vào sự nghiệp xây dựng CNXH.

- **CNXH là một xã hội phát triển cao về văn hoá đạo đức**, trong đó người với người là bạn bè, là đồng chí, là anh em, con người được giải phóng khỏi áp bức, bóc lột, có cuộc sống vật chất và tinh thần phong phú, được tạo điều kiện để phát triển hết khả năng sẵn có của mình.

- **CNXH là một xã hội công bằng và hợp lý**- làm nhiều hưởng nhiều, làm ít hưởng ít, không làm thì không được hưởng, các dân tộc đều bình đẳng, miền núi được giúp đỡ để tiến kịp miền xuôi.

- **CNXH là công trình tập thể của nhân dân, do nhân dân tự xây dựng lấy dưới sự lãnh đạo của Đảng.**

Như vậy, theo Hồ Chí Minh, CNXH là một xã hội dân giàu, nước mạnh, công bằng, dân chủ, đạo đức, văn minh, một chế độ xã hội ưu việt nhất trong lịch sử, một xã hội tự do và nhân đạo, phản ánh được nguyện vọng tha thiết của loài người.

Mục tiêu của CNXH chính là những đặc trưng bản chất của CNXH sau khi được nhận thức để đạt tới trong quá trình xây dựng và phát triển CNXH. Theo Hồ Chí Minh mục tiêu của CNXH ở Việt Nam là:

- **Về chế độ chính trị** mà nhân dân ta xây dựng là chế độ do nhân dân làm chủ. Nhân dân thực hiện quyền làm chủ của mình chủ yếu bằng Nhà nước dưới sự lãnh đạo của Đảng. Bởi vậy, theo Hồ Chí Minh: Nhà nước của ta phải là Nhà nước dân chủ nhân dân dựa trên nền tảng liên minh công nông, do giai cấp công nhân lãnh đạo. Và Nhà nước phải phát triển quyền dân chủ và sinh hoạt chính trị của nhân dân, để phát huy tính tích cực và sáng tạo của toàn dân, làm cho mọi công dân Việt Nam thực sự tham gia quản lý công việc Nhà nước, ra sức xây dựng CNXH.

Quyền lực Nhà nước thuộc về nhân dân, do vậy Chính phủ, cán bộ công chức phải là đầy tớ chung của nhân dân. từ đó, Hồ Chí Minh yêu cầu người được nhân dân uỷ thác cầm quyền phải không ngừng tu dưỡng, rèn luyện đạo đức cách mạng, thực hiện cần kiệm liêm chính, chí công vô tư, phải sửa đổi lối làm việc, thường xuyên chống tham ô, lãng phí, quan liêu.

Mặt khác Hồ Chí Minh cũng xác định: đã là người chủ phải biết làm chủ- mọi công dân trong xã hội đều có nghĩa vụ lao động, nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc, tôn trọng và chấp hành pháp luật, tôn trọng và bảo vệ của công, đồng thời có nghĩa vụ học tập để nâng cao trình độ về mọi mặt để xứng đáng vai trò của người chủ.

- **Nền kinh tế** mà nhân dân ta xây dựng là “một nền XHCN với công nghiệp và nông nghiệp hiện đại, khoa học và kỹ thuật tiên tiến, được tạo lập trên cơ sở sở hữu công cộng về tư liệu sản xuất. Nhưng ở thời kỳ quá độ vẫn tồn tại nhiều hình thức sở hữu. từ nông nghiệp đi lên thì tất yếu phải thực hiện công nghiệp hoá.

- **Phát triển văn hoá** là mục tiêu quan trọng của CNXH, thậm chí cần đi trước để dọn đường cho cách mạng công nghiệp. Bởi vậy cán bộ phải có văn hoá làm gốc, công nhân và nông dân phải biết văn hoá.

- **Về quan hệ xã hội** thì mục tiêu của CNXH là xây dựng cho được mối quan hệ tốt đẹp giữa người với người. Hồ Chí Minh căn dặn: “Muốn xây dựng CNXH, trước hết cần có những con người XHCN”. Đó là những con người có tinh thần và năng lực làm chủ, có đạo đức cần kiệm liêm chính, chí công vô tư, có kiến thức khoa học- kỹ thuật, có tinh thần sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm.

Xác định được mục tiêu của CNXH còn đòi hỏi phải xác định và phát huy được các động lực của nó thì mới đưa sự nghiệp xây dựng CNXH tới đạt mục tiêu. Theo Hồ Chí Minh động lực của CNXH có các yếu tố vật chất và tinh thần, chúng quan hệ và tác động với nhau. Hệ thống động lực của CNXH, trong đó:

- **Động lực con người- cộng đồng và cá nhân** là quan trọng nhất bao trùm lên tất cả. Để phát huy động lực con người cần phải:

- **Phát huy sức mạnh đoàn kết của cả cộng đồng dân tộc**- đây là sức mạnh con người trên bình diện cộng đồng, động lực chủ yếu để phát triển đất nước. Sức mạnh cộng đồng là sức mạnh của tất cả các tầng lớp nhân dân: công nhân, nông dân, trí thức, kể cả những nhà tư sản dân tộc, các tổ chức và đoàn thể, các dân tộc, các tôn giáo, đồng bào trong nước và đồng bào ở nước ngoài.

- **Phát huy sức mạnh con người với tư cách là cá nhân người lao động.** Giữa cộng đồng và cá nhân có mối quan hệ chặt chẽ và trực tiếp. Có phát huy sức mạnh của cá nhân mới có sức mạnh cộng đồng. Để phát huy sức mạnh của cá nhân người lao động, theo Hồ Chí Minh: cần tác động vào nhu cầu và lợi ích của con người; đồng thời phải tác động vào các động lực chính trị- tinh thần. Hồ Chí Minh hiểu sâu sắc rằng, hành động của con người luôn luôn gắn với nhu cầu và lợi ích của họ. Đi vào CNXH, Người chú ý kích thích động lực mới- là lợi ích cá nhân chính đáng của người lao động. Người chủ trương thực hiện các cơ chế chính sách để kết hợp hài hoà lợi ích xã hội và lợi ích cá nhân, như thực hiện khoán, thưởng, phạt đúng đắn và nghiêm túc trong lao động sản xuất.

Trong cách mạng, có những lĩnh vực đòi hỏi con người phải chịu sự hy sinh, thiệt thòi- chỉ lợi ích kinh tế ở đây không giải quyết được. Cần có động lực chính trị- tinh thần. Vì vậy, Hồ Chí Minh đòi hỏi phải phát huy quyền làm chủ và ý thức làm chủ của người lao động- trong sở hữu, trong quá trình sản xuất và phân phối. Điều này đòi hỏi cán bộ lãnh đạo phải thực hành dân chủ, tuyệt đối không được chuyên quyền, độc

đoán. Vì quần chúng thật sự có quyền dân chủ, cán bộ, đảng viên xung phong gương mẫu thì mọi kế hoạch sản xuất sẽ được thực hiện thắng lợi. Từ nước nông nghiệp sản xuất nhỏ đi lên CNXH, Hồ Chí Minh còn nhắc nhở, để phát huy quyền làm chủ phải đặc biệt quan tâm bồi dưỡng ý thức làm chủ, tâm lý làm chủ.

- **Thực hiện công bằng xã hội**- là tạo ra động lực cho CNXH. Theo Hồ Chí Minh, thực hiện công bằng xã hội không phải là cào bằng bình quân. Người căn dặn: Không sợ thiếu, chỉ sợ không công bằng. Không sợ nghèo, chỉ sợ lòng dân không yên.

- **Để tạo động lực cho CNXH**, còn cần phải sử dụng vai trò điều chỉnh của các nhân tố tinh thần khác: về chính trị, văn hoá, đạo đức, pháp luật. Vì theo Hồ Chí Minh, muốn xây dựng thành công CNXH “cần có ý thức giác ngộ xã hội chủ nghĩa cao, một lòng một dạ phấn đấu cho CNXH”. Đi vào CNXH, Hồ Chí Minh đặc biệt chú ý phát triển dân trí, giáo dục và đào tạo. Người đòi hỏi Đảng, Nhà nước phải có chiến lược khoa học- kỹ thuật, mỗi cán bộ, đảng viên phải ra sức học tập văn hoá và khoa học- kỹ thuật. Mặt khác, con người có quan hệ pháp lý- đạo đức. Con người được giáo dục cao về pháp lý- đạo đức thì khả năng vươn tới cái tốt, cái đẹp, cái đúng càng cao. Do đó, lao động, cống hiến của họ cho CNXH càng tự giác, càng tích cực và hiệu quả hơn.

Trong xây dựng CNXH có động lực thì cũng có phản động lực. Để phát huy cao độ động lực của CNXH, cần phải khắc phục những trở lực kìm hãm sự phát triển của CNXH. Để làm tốt được đòi hỏi này, theo Hồ Chí Minh thì toàn Đảng, toàn dân, cán bộ, đảng viên phải làm tốt các việc sau:

- **Phải thường xuyên đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân**. Vì nó là kẻ địch hung ác của CNXH, nó là bệnh mẹ đẻ ra trăm thứ bệnh nguy hiểm khác. Còn chủ nghĩa cá nhân, CNXH chưa thể thắng lợi hoàn toàn.

- **Phải thường xuyên đấu tranh chống tham ô, lãng phí, quan liêu**. Theo Hồ Chí Minh, tham ô, lãng phí, quan liêu là “bạn đồng minh của thực dân phong kiến”. “Nó làm hỏng tinh thần trong sạch và ý chí khắc khổ của cán bộ ta. Nó phá hoại đạo đức cách mạng của ta là cần, kiệm, liêm, chính”. Nó phá hoại động lực quan trọng nhất của CNXH là con người.

- **Phải thường xuyên chống chia rẽ, bè phái, mất đoàn kết, vô kỷ luật**, vì nó làm “giảm sút uy tín và ngăn trở sự nghiệp của Đảng, ngăn trở bước tiến của cách mạng” đi lên CNXH.

Chủ quan, bảo thủ, giáo điều, lười biếng, không chịu học tập... cũng là những trở lực đối với sự nghiệp xây dựng CNXH mà tất cả mọi người phải luôn luôn cảnh giác và chiến thắng chúng mới tạo điều kiện hình thành và phát triển được động lực của CNXH.

b. Những nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh về con đường đi lên CNXH ở Việt Nam.

Quá độ đi lên CNXH là vấn đề lớn trong lý luận của chủ nghĩa Mác-Lênin cũng như trong thực tiễn khi các nước thực hiện cách mạng XHCN. Theo các nhà kinh điển Mác-Ăngghen thì thời kỳ quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa cộng sản là một tất yếu khách quan. Đó là thời kỳ quá độ trực tiếp từ chủ nghĩa tư bản lên CNXH.

Nhưng khi cách mạng Tháng Mười Nga thành công ở một nước tư bản trung bình trong nước Nga đa số là tiểu nông thì quan niệm về thời kỳ quá độ đòi hỏi phải được vận dụng và phát triển sáng tạo. Theo Lênin nước Nga sau cách mạng Tháng Mười có thể thực hiện quá độ gián tiếp lên CNXH bỏ qua chế độ tư bản.

Quan niệm của Hồ Chí Minh về thời kỳ quá độ. Quán triệt quan điểm của Mác-Lênin về thời kỳ quá độ và thực tiễn các nước xây dựng CNXH, khi Việt Nam đi lên CNXH, Hồ Chí Minh lưu ý Đảng ta cần chú ý mấy vấn đề:

+ Cần có nhận thức rõ tính quy luật chung và đặc điểm cụ thể của mỗi nước khi quá độ đi lên CNXH. Hồ Chí Minh đã chỉ ra hai phương thức quá độ chủ yếu là: quá độ trực tiếp từ chủ nghĩa tư bản phát triển lên CNXH; và quá độ gián tiếp từ nghèo nàn lạc hậu, tiến lên CNXH, qua chế độ dân chủ nhân dân.

+ Đi vào thời kỳ quá độ ở Việt Nam, Hồ Chí Minh đã chỉ ra đặc điểm và mâu thuẫn của nó. Theo Người: khi miền Bắc quá độ lên CNXH thì đặc điểm to nhất là “từ một nước nông nghiệp lạc hậu tiến thẳng lên CNXH không phải kinh qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa”. Đặc điểm này sẽ chi phối, quy định nội dung con đường, những hình thức và bước đi, cách làm CNXH ở Việt Nam. Từ đặc điểm này, Hồ Chí Minh cho rằng: “Tiến lên CNXH không thể một sớm một chiều. Đó là cả một công tác tổ chức và giáo dục”. “Việt Nam ta là một nước nông nghiệp lạc hậu, công cuộc đổi mới xã hội cũ thành xã hội mới gian nan, phức tạp hơn việc đánh giặc”. “CNXH không thể làm mau được mà phải làm dần dần”.

Mâu thuẫn bao trùm thời kỳ quá độ ở nước ta là mâu thuẫn giữa yêu cầu phải tiến lên xây dựng một chế độ mới có kinh tế công nghiệp, nông nghiệp hiện đại, có văn hoá và khoa học tiên tiến với tình trạng lạc hậu kém phát triển, lại phải đối phó với các thế lực cản trở, phá hoại mục tiêu xây dựng thành công CNXH ở nước ta. Vì vậy “Cuộc cách mạng XHCN là một cuộc biến đổi khó khăn và sâu sắc nhất”. Và thời kỳ quá độ là một thời kỳ lịch sử lâu dài, đầy khó khăn gian khổ.

+ HỒ Chí Minh còn chỉ ra nhiệm vụ lịch sử của thời kỳ quá độ là “phải xây dựng nền tảng vật chất và kỹ thuật của CNXH, đưa miền Bắc tiến dần lên CNXH, có công nghiệp và nông nghiệp hiện đại, có văn hoá và khoa học tiên tiến. Trong quá trình cách mạng XHCN, chúng ta phải cải tạo nền kinh tế cũ và xây dựng nền kinh tế mới, mà xây dựng là nhiệm vụ chủ chốt và lâu dài”.

+ **Những điều kiện bảo đảm** cho CNXH giành thắng lợi trong thời kỳ quá độ cũng như HỒ Chí Minh xác định là:

Giữ vững và tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng.

Nâng cao vai trò quản lý của Nhà nước.

Phát huy tính tích cực, chủ động của các tổ chức chính trị- xã hội, gắn bó chặt chẽ cách mạng Việt Nam với cách mạng thế giới.

Xây dựng đội ngũ cán bộ đủ đức, đủ tài đáp ứng yêu cầu của cách mạng XHCN.

Xây dựng CNXH có những nguyên lý chung, nhưng nó cũng được diễn ra ở những nước cụ thể với những đặc điểm khác nhau. Bởi vậy để định ra bước đi, biện pháp đi lên CNXH ở Việt Nam, HỒ Chí Minh căn dặn: Phải nắm vững những nguyên lý của chủ nghĩa Mác-Lênin về xây dựng CNXH; phải học hỏi kinh nghiệm của các nước anh em, nhưng không được máy móc giáo điều mà phải biết xuất phát từ những đặc điểm riêng của ta để định ra bước đi và biện pháp phù hợp với truyền thống lịch sử, văn hoá, địa lý, tài nguyên, đất đai và con người Việt Nam.

+ **Về bước đi ở thời kỳ quá độ**- là vấn đề quá mới mẻ, tuy vậy HỒ Chí Minh cũng đã xác định: “Ta xây dựng CNXH từ hai bàn tay trắng đi lên thì khó khăn còn nhiều và lâu dài”. “Phải làm dần dần”, “không thể một sớm một chiều”, ai nói dễ là chủ quan và sẽ thất bại. bởi vậy HỒ Chí Minh chỉ đạo bước đi của thời kỳ quá độ ở Việt Nam là phải qua nhiều bước, “bước ngắn, bước dài, tùy theo hoàn cảnh”. “chớ ham làm mau, ham rầm rộ... Đi bước nào vững chắc bước ấy, cứ tiến dần dần”.

+ **Về phương pháp, biện pháp, cách làm** CNXH là lĩnh vực đòi hỏi tinh thần độc lập, tự chủ, sáng tạo cao. Khi miền Bắc đi vào thời kỳ quá độ, HỒ Chí Minh đã chỉ ra những vấn đề cụ thể:

Bước đi và cách làm phải thể hiện được sự kết hợp giữa hai nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Việt Nam “xây dựng CNXH ở miền Bắc, chiếu cố miền Nam”.

Khi miền Bắc có chiến tranh thì “vừa sản xuất, vừa chiến đấu”, “vừa chống Mỹ, cứu nước, vừa xây dựng CNXH”.

Từ một nước nông nghiệp lạc hậu, bị chiến tranh tàn phá đi lên CNXH thì phải kết hợp cải tạo với xây dựng trên tất cả các lĩnh vực, mà xây dựng là chủ chốt và lâu dài.

CNXH là do dân tự xây dựng lấy, vì vậy cách làm là: “đem tài dân, sức dân, của dân để làm lợi cho dân”. chính phủ chỉ giúp đỡ kế hoạch chứ không thể làm thay dân.

Tổ chức thực hiện bước đi, cách làm là cực kỳ quan trọng. Vì vậy, HỒ Chí Minh nhắc nhở: Muốn kế hoạch thực hiện được tốt thì chỉ tiêu một, biện pháp mười, quyết tâm hai mươi.

c. Đảng ta vận dụng những quan điểm đó vào công cuộc đổi mới hiện nay.

Công cuộc đổi mới do Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo đạt được những thành tựu quan trọng, tạo ra thế và lực mới cho con đường phát triển XHCN ở nước ta. Cùng với tổng kết thực tiễn, quan niệm của Đảng ta về CNXH, con đường đi lên CNXH ngày càng sát thực, cụ thể hóa. Nhưng, trong quá trình xây dựng CNXH, bên cạnh những thời cơ, vận hội, nước ta đang phải đối đầu với hàng loạt thách thức, khó khăn cả trên bình diện quốc tế, cũng như từ các điều kiện thực tế trong nước tạo nên. Trong bối cảnh đó, vận dụng tư tưởng HỒ Chí Minh về CNXH và con đường quá độ lên CNXH, chúng ta cần tập trung giải quyết những vấn đề quan trọng nhất.

1. Giữ vững mục tiêu của CNXH.

Trong điều kiện nước ta, độc lập dân tộc phải gắn liền với CNXH, sau khi giành được độc lập dân tộc phải đi lên CNXH, vì đó là quy luật tiến hóa trong quá trình phát triển của xã hội loài người. chỉ có CNXH mới đáp ứng được khát vọng của toàn dân tộc: độc lập cho dân tộc, dân chủ cho nhân dân, cơm no áo ấm cho mọi người dân Việt Nam. Thực tiễn phát triển đất nước cho thấy, độc lập dân tộc là điều kiện tiên quyết để thực hiện CNXH và CNXH là cơ sở bảo đảm vững chắc cho độc lập dân tộc.

Hiện nay, chúng ta đang tiến hành đổi mới toàn diện đất nước vì mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh” là tiếp tục con đường cách mạng độc lập dân tộc gắn liền với CNXH mà HỒ Chí Minh đã lựa chọn. Đổi mới, vì thế, là quá trình vận dụng và phát triển tư tưởng HỒ Chí Minh, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và CNXH, chứ không phải là thay đổi mục tiêu.

Tuy nhiên, khi chấp nhận kinh tế thị trường, chủ động hội nhập kinh tế quốc tế, chúng ta phải tận dụng các mặt tích cực của nó, đồng thời phải biết cách ngăn chặn, phòng tránh các mặt tiêu cực, bảo đảm

nhịp độ phát triển nhanh, bền vững trên tất cả mọi mặt đời sống xã hội: kinh tế, chính trị, xã hội, văn hóa; không vì phát triển, tăng trưởng kinh tế bằng mọi giá mà làm phương hại các mặt khác của cuộc sống con người.

Vấn đề đặt ra là trong quá trình phát triển vẫn giữ vững định hướng XHCN, biết cách sử dụng các thành tựu mà nhân loại đã đạt được để phục vụ cho công cuộc xây dựng CNXH, nhất là thành tựu khoa học- công nghệ hiện đại, làm cho tăng trưởng kinh tế luôn đi liền với sự tiến bộ, công bằng xã hội, sự trong sạch, lành mạnh về đạo đức, tinh thần.

2. Phát huy quyền làm chủ của nhân dân, khơi dậy mạnh mẽ các nguồn lực nhất là nguồn lực nội sinh để công nghiệp hoá- hiện đại hoá.

Công nghiệp hóa, hiện đại hóa là con đường tất yếu mà đất nước ta phải trải qua. Chúng ta phải tranh thủ thành tựu của cách mạng khoa học và công nghệ, của điều kiện giao lưu, hội nhập quốc tế để nhanh chóng biến nước ta thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại, sánh vai với các cường quốc năm châu như mong muốn của Hồ Chí Minh.

Hồ Chí Minh đã chỉ dẫn: Xây dựng CNXH là sự nghiệp của toàn dân, do Đảng lãnh đạo, phải đem tài dân, sức dân, của dân làm lợi cho dân, nghĩa là phải biết phát huy mọi nguồn lực vốn có trong dân để xây dựng cuộc sống ấm no, hạnh phúc cho nhân dân. Theo tinh thần đó, ngày nay, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước phải dựa vào nguồn lực trong nước là chính, có phát huy mạnh mẽ nội lực mới có thể tranh thủ sử dụng hiệu quả các nguồn lực bên ngoài. Trong nội lực, nguồn lực con người là vốn quý nhất.

Nguồn lực của nhân dân, của con người Việt Nam bao gồm trí tuệ, tài năng, sức lao động, của cải thật to lớn. Để phát huy tốt sức mạnh của toàn dân tộc để xây dựng và phát triển đất nước, cần giải quyết tốt các vấn đề sau:

- Tin dân, dựa vào dân, xác lập quyền làm chủ của nhân dân trên thực tế, làm cho chế độ dân chủ được thực hiện trong mọi lĩnh vực hoạt động của con người, nhất là ở địa phương, cơ sở, làm cho dân chủ thật sự trở thành động lực của sự phát triển xã hội.

- Chăm lo mọi mặt đời sống của nhân dân để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.

- Thực hiện nhất quán chiến lược đại đoàn kết dân tộc của Hồ Chí Minh, trên cơ sở lấy liên minh công- nông- trí thức làm nòng cốt, tạo nên sự đồng thuận xã hội vững chắc vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

3. Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại.

Xây dựng CNXH phải biết tranh thủ các điều kiện quốc tế thuận lợi, tận dụng tối đa sức mạnh của thời đại. Ngày nay, sức mạnh của thời đại tập trung ở cuộc cách mạng khoa học và công nghệ, xu thế toàn cầu hóa. Chúng ta phải tranh thủ tối đa các cơ hội do xu thế đó tạo ra để nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế; phải có cơ chế, chính sách đúng để thu hút vốn đầu tư, kinh nghiệm quản lý và công nghệ hiện đại, thực hiện kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại theo tư tưởng Hồ Chí Minh.

Muốn vậy, chúng ta phải có đường lối chính trị độc lập, tự chủ. Tranh thủ hợp tác phải đi đôi với thường xuyên khơi dậy chủ nghĩa yêu nước, tinh thần dân tộc chân chính của mọi người Việt Nam nhằm góp phần làm gia tăng tiềm lực quốc gia.

Chủ động hội nhập kinh tế quốc tế phải gắn liền với nhiệm vụ trau dồi bản lĩnh và bản sắc văn hóa dân tộc, nhất là cho thanh, thiếu niên- lực lượng rường cột của nước nhà, để không tự đánh mất mình bởi xa rời cội rễ dân tộc. Chỉ có bản lĩnh và bản sắc dân tộc sâu sắc, mạnh mẽ đó mới có thể loại trừ các yếu tố độc hại, tiếp thu tinh hoa văn hóa loài người, làm phong phú, làm giàu thêm nền văn hóa dân tộc.

4. Chăm lo xây dựng Đảng vững mạnh, làm trong sạch bộ máy Nhà nước, đấu tranh chống quan liêu, tham nhũng, thực hiện cần kiệm xây dựng CNXH.

Thực hiện mục tiêu độc lập dân tộc và CNXH, phát huy quyền làm chủ của nhân dân cần đến vai trò lãnh đạo của một Đảng cách mạng chân chính, một Nhà nước thật sự của dân, do dân và vì dân. Muốn vậy, phải:

- Xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam cầm quyền, một Đảng “đạo đức, văn minh”. Cán bộ, đảng viên gắn bó máu thịt với nhân dân, vừa là người hướng dẫn, lãnh đạo nhân, vừa hết lòng hết sức phục vụ nhân dân, gương mẫu trong mọi việc.

- Xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN mạnh mẽ, của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; thực hiện cải cách nền hành chính quốc gia một cách đồng bộ để phục vụ đời sống nhân dân.

- Bằng các giải pháp thiết thực, cụ thể, hình thành một đội ngũ cán bộ liên khiết, tận trung với nước, tận hiếu với dân; kiên quyết đưa ra khỏi bộ máy chính quyền những “ông quan cách mạng”, lạm dụng quyền lực của dân để mưu cầu lợi ích riêng; phát huy vai trò của nhân dân trong cuộc đấu tranh chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí, giữ vững sự ổn định chính trị- xã hội của đất nước.

- Giáo dục mọi tầng lớp nhân dân ý thức biết cách làm giàu cho đất nước, hăng hái đẩy mạnh tăng gia sản xuất kinh doanh gắn liền với tiết kiệm để xây dựng nước nhà. Trong điều kiện đất nước còn nghèo, tiết kiệm phải trở thành quốc sách, thành một chính sách kinh tế lớn và cũng là một chuẩn mực đạo đức, một hành vi văn hóa như Hồ Chí Minh đã căn dặn: “Một dân tộc biết cần, biết kiệm” là một dân tộc văn minh, tiến bộ; dân tộc đó chắc chắn sẽ thắng được nghèo nàn, lạc hậu, ngày càng giàu có về vật chất, cao đẹp về tinh thần, thống nhất.

Câu 6: Vì sao Hồ Chí Minh nói: “Đạo đức là cái gốc của người cán bộ cách mạng”?

Sau cách mạng Tháng Tám năm 1945 thành công, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã sớm thấy nguy cơ đối với Đảng cầm quyền, không những là “bệnh quan liêu hách dịch, vênh váo lên mặt quan cách mệnh”, “đề đầu cưỡi cổ dân” mà cả nhiều thói xấu khác, rất dễ nảy sinh trong cán bộ, đảng viên, nhất là trong những người có chức, có quyền, như bệnh địa vị, công thần, cục bộ địa phương, bè phái; cái thói chỉ lo ăn ngon, mặc đẹp..., lo chiếm của công làm của tư, lợi dụng địa vị và công tác của mình mà buôn bán phát tài, lo việc riêng hơn việc công...

Rõ ràng khi cách mạng đã giành được chính quyền và khi từ chiến tranh chuyển sang hòa bình xây dựng, những yêu cầu về đạo đức đối với cán bộ, đảng viên càng đòi hỏi phải tăng cường rèn luyện và tu dưỡng để đáp ứng với yêu cầu nhiệm vụ mới. Do đó, Chủ tịch Hồ Chí Minh càng quan tâm hơn đến công tác xây dựng Đảng về đạo đức cách mạng. Trước lúc đi xa, Người viết trong Di chúc: “Đảng ta là một Đảng cầm quyền. Mỗi đảng viên và cán bộ phải thật sự thấm nhuần đạo đức cách mạng; thật sự cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư. Phải giữ gìn Đảng ta thật trong sạch, phải xứng đáng là người lãnh đạo, người đẩy tố thật trung thành của nhân dân”. Lời căn dặn cuối cùng của Người đã nói vắn tắt cái điều cốt tử nhất trong xây dựng Đảng cầm quyền, nó quyết định vận mệnh của Đảng, của Nhà nước, vận mệnh của cả chế độ- đó là đạo đức cách mạng. Theo Người, đạo đức là cái “gốc” của người cách mạng. Người nói thật dễ hiểu, nhưng là cả một chân lý tuyệt đối: “Cũng như sông thì có nguồn mới có nước, không có nguồn thì sông cạn. Cây phải có gốc, không có gốc thì cây héo. Người cách mạng phải có đạo đức, không có đạo đức thì dù tài giỏi mấy cũng không lãnh đạo được nhân dân”.

Có đạo đức cách mạng thì khi gặp khó khăn, gian khổ, thất bại cũng không sợ sệt, rụt rè, lùi bước. Vì lợi ích chung của Đảng, của cách mạng, của giai cấp, của dân tộc và của loài người mà không ngần ngại hy sinh tất cả lợi ích riêng của cá nhân mình. Khi cần, thì sẵn sàng hy sinh cả tính mạng của mình cũng không tiếc. Đó là biểu hiện rất rõ rệt, cao quý của đạo đức cách mạng.

Bác nói: Có đạo đức cách mạng thì khi gặp thuận lợi và thành công cũng vẫn giữ vững tinh thần gian khổ, chất phác, khiêm tốn, “lo trước thiên hạ, vui sau thiên hạ”, lo hoàn thành nhiệm vụ cho tốt, chứ không kèn cựa về mặt hưởng thụ; không công thần, không quan liêu, không kiêu ngạo, không hủ hóa. Đó là biểu hiện của đạo đức cách mạng. Người còn nói: Đạo đức cách mạng không phải trên trời rơi xuống. Nó do đấu tranh, rèn luyện bền bỉ hàng ngày mà phát triển và củng cố. Cũng như ngọc càng mài càng sáng, vàng càng luyện càng trong. Cả cuộc đời hoạt động cách mạng, Bác Hồ luôn rèn luyện mình để trở thành người có đạo đức cách mạng. Theo đó, Người đã làm giàu truyền thống đạo đức của dân tộc Việt Nam bằng sự kế thừa tư tưởng đạo đức phương Đông, những tinh hoa đạo đức nhân loại; tấm gương đạo đức của các nhà sáng lập chủ nghĩa Mác đã nêu cho Người một mẫu mực về sự giản dị và sự khiêm tốn cao độ, Người đã học tập và hành động bởi các tấm gương ấy, với nếp sống giản dị, coi khinh sự xa hoa, yêu lao động, đồng cảm sâu sắc với người cùng khổ, hướng cuộc đấu tranh của mình vào công cuộc giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng con người.

Chủ tịch Hồ Chí Minh cho rằng: “Đảng vừa là đạo đức vừa là văn minh”, là người khởi xướng và lãnh đạo mọi sự đổi thay của đất nước qua các giai đoạn lịch sử của cách mạng. Muốn tiếp tục đưa sự nghiệp cách mạng tiến đến đích cuối cùng, trước hết Đảng phải tự đổi mới, tự chỉnh đốn.

Tự đổi mới, tự chỉnh đốn là khẳng định sự vận động nội tại của Đảng cầm quyền trong quá trình lãnh đạo cách mạng, là sự nhận diện đúng quy luật vận động, phát triển của Đảng. quán triệt tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng, chỉnh đốn Đảng vào cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng hiện nay, trước hết mỗi cán bộ, đảng viên phải tăng cường học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh, trên cơ sở đó, nâng cao đạo đức cách mạng, quét sạch chủ nghĩa cá nhân.

Câu 7: Những nội dung cơ bản tư tưởng Hồ Chí Minh về những phẩm chất đạo đức cách mạng? Liên hệ tư tưởng của Người về đạo đức vào việc giáo dục, rèn luyện đạo đức cho thế hệ trẻ hiện nay?

1. Những nội dung cơ bản tư tưởng Hồ Chí Minh về những phẩm chất đạo đức cách mạng.

Tư tưởng Hồ Chí Minh về những phẩm chất đạo đức cách mạng gồm những nội dung cơ bản sau:

a. Trung với nước, hiếu với dân

Trong mỗi quan hệ đạo đức thì mối quan hệ giữa mỗi người với đất nước, với nhân dân, với dân tộc là mối quan hệ lớn nhất. Trung, hiếu là phẩm chất đạo đức quan trọng nhất, bao trùm nhất.

Trung, hiếu là những khái niệm đó có trong tư tưởng đạo đức truyền thống Việt Nam và phương Đông, song có nội dung hạn hẹp. “Trung với vua, hiếu với cha mẹ”, phản ánh bốn phận của dân đối với vua, con đối với cha mẹ. Hồ Chí Minh đó vận dụng và đưa vào nội dung mới. Hồ Chí Minh đó kế thừa những giá trị đạo đức truyền thống và vượt trội. Trung với nước là trung thành với sự nghiệp giữ nước và dựng nước. Nước là của dân, cùn nhơn dôn là chủ của đất nước. “Bao nhiêu quyền hạn đều của dân, bao nhiêu lợi ích đều vỡ dôn”. Đây là chuẩn mực đạo đức có ý nghĩa quan trọng hàng đầu.

Trung với nước, hiếu với dân là suốt đời phấn đấu hy sinh vỡ độc lập tự do của Tổ quốc, vỡ CNXH, nhiệm vụ nào cũng hoàn thành, khú khăn nào cũng vượt qua, kẻ thù nào cũng đánh thắng. Bác vừ kêu gọi hành động vừ định hướng chính trị- đạo đức cho mỗi người Việt Nam.

Đối với cán bộ đảng viên phải suốt đời đấu tranh cho Đảng, cho cách mạng, đó là điều chủ chốt của đạo đức cách mạng. Phải tuyệt đối trung thành với Đảng, với dôn, phải tận trung, tận hiếu, thờ mới xứng đáng vừ là đầy tớ trung thành, vừ là người lónh đạo của dân; dân là đối tượng để phục vụ hết lũng. Phải nắm vững dôn tởnh, hiếu rừ dôn tởm, cải thiện dôn sinh, nông cao dôn trở để dân hiếu được quyền và trách nhiệm của người chủ đất nước.

Nội dung chủ yếu của trung với nước là:

- Đặt lợi ích của đảng, của Tổ quốc, của cách mạng lên trên hết.
- Quyết tâm phấn đấu thực hiện mục tiêu của cách mạng.
- Thực hiện tốt chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước.

Nội dung của hiếu với dôn là:

- Khẳng định vai trò sức mạnh thực sự của nhơn dôn.
- Tin dân, lắng nghe dân, học dân, tổ chức vận động nhân dân cùng thực hiện tốt đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước.

- Chăm lo đến đời sống vật chất và tinh thần của nhơn dôn.

b. Cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư

Cần là lao động cần cù, siêng năng, lao động có kế hoạch, sáng tạo năng suất cao; lao động với tinh thần tự lực cánh sinh, không lười biếng, không ỷ lại, không dựa dẫm. Lao động là nghĩa vụ thiêng liêng, là nguồn sống, nguồn hạnh phúc của con người.

Kiệm là tiết kiệm sức lao động, tiết kiệm thời giờ, tiết kiệm tiền của của nhơn dôn, của đất nước, của bản thân mỡnh. Tiết kiệm từ cỏ nhỏ đến cái to; “Không xa xỉ, không hoang phí, không bừa bói,”

Liêm là “luận luận tụn trọng giữ gìn của cụng và của dôn; khụng xõm phạm một đồng xu, hạt thóc của nhà nước, của nhân dân”. Phải trong sạch, không tham lam địa vị, tiền của, danh tiếng, sung sướng. Không tâng bốc mỡnh. Chỉ cú một thứ ham là ham học, ham làm, ham tiến bộ. Hành vi trái với chữ liêm là... cậy quyền thế mà đục khoét, ăn của dân, hoặc trộm của công làm của riêng. Dõm người giỏi, để giữ địa vị và danh tiếng của mỡnh là trộm vị. Gặp việc phải, mà sợ khú nhọc nguy hiểm, khụng dõm làm là tham ỷ lạo. Cự Khổng nói: người mà không liêm, không bằng súc vật. Cự Mạnh nói: ai cũng tham lợi thờ nước sẽ nguy.

Chớnh là không tà, thẳng thắn, đứng đắn. Đối với mỡnh, với người, với việc.

Đối với mỡnh, khụng tự cao, tự đại, luôn chịu khó học tập cầu tiến bộ, luôn kiểm điểm mỡnh để phát huy điều hay, sửa đổi điều dở.

Đối với người, không nịnh hót người trên, xem khinh người dưới; luôn giữ thái độ chân thành, khiêm tốn, đoàn kết, không dối trá, lừa lọc.

Đối với việc, để việc công lên trên việc tư, làm việc gỡ cho đến nơi, đến chốn, không ngại khó, nguy hiểm, cố gắng làm việc tốt cho dân cho nước.

Cần, kiệm, liêm, chính cần thiết đối với tất cả mọi người. Hồ Chí Minh viết:

*“Trời có bốn mùa: Xuân, Hạ, Thu, Đông
Đất có bốn phương: Đông, Tây, Nam, Bắc
Người có bốn đức: cần, kiệm, liêm, chính
Thiếu một mùa thờ khụng thành trời
Thiếu một phương thờ khụng thành đất
Thiếu một đức thờ khụng thành người”.*

Cần, kiệm, liêm, chính rất cần thiết đối với người cán bộ, đảng viên. Nếu đảng viên mắc sai lầm thờ sẽ ảnh hưởng đến uy tín của Đảng, nhiệm vụ của cõch mạng. Cần, kiệm, liêm, chính cũn là thước đo sự

giàu có về vật chất, vững mạnh về tinh thần, sự văn minh của dân tộc. “Nó” là cái cần để “làm việc, làm người, làm cán bộ, để phụng sự Đoàn thể, phụng sự giai cấp và nhân dân, phụng sự Tổ quốc và nhân loại”.

Chí công vô tư, là làm bất cứ việc gì cũng đừng nghĩ đến mình trước, chỉ biết vì Đảng, vì Tổ quốc, vì nhân dân, vì lợi ích của công mạng. Thực hành chí công vô tư là quét sạch chủ nghĩa cá nhân, nâng cao đạo đức cách mạng. “phải lo trước thiên hạ, vui sau thiên hạ (tiền thiên hạ chi ưu nhi ưu, hậu thiên hạ chi lạc nhi lạc). Chủ nghĩa cá nhân chỉ biết đến mình, muốn “mọi người vì mình”. Nó là giặc nội xâm, cũn nguy hiểm hơn cả giặc ngoại xâm. Hồ Chí Minh viết: “ Một dân tộc, một đảng và mỗi con người, ngày hôm qua là vĩ đại, có sức hấp dẫn lớn, không nhất định hôm nay vẫn được mọi người yêu mến và ca ngợi, nếu lòng dạ khụng trong sũng nữa, nếu sa vào chủ nghĩa cỏ nhõn”. Hồ Chí Minh cũng phõn biệt lợi ích cỏ nhõn và chủ nghĩa cỏ nhõn. Chí công vô tư là tính tốt có thể gồm 5 điều: nhân, nghĩa, trí, dũng, liêm. Bồi dưỡng phẩm chất đạo đức cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư là để vững vàng qua mọi thử thách : “Giàu sang không quyến rũ, nghèo khó không thể chuyển lay, uy vũ không thể khuất phục”.

b. Yêu thương con người

Kế thừa truyền thống nhân nghĩa của dân tộc, kết hợp truyền thống nhân nghĩa với chủ nghĩa nhân đạo cộng sản, tiếp thu tinh thần nhân văn của nhân loại qua nhiều thế kỷ, qua hoạt động thực tiễn, Hồ Chí Minh đã xác định tởnh yêu thương con người là phẩm chất đạo đức cao đẹp nhất.

Tởnh yêu rộng lớn dành cho những người cùng khổ, những người lao động bị áp bức, bóc lột. Hồ Chí Minh chỉ ham muốn cho đất nước được hoàn toàn độc lập, dân được tự do, mọi người ai cũng có cơm ăn, áo mặc, ai cũng được học hành. Chỉ có tởnh yêu thương con người bao la đến như vậy mới có cách mạng, mới nói đến CNXH và CNCS.

Nghiờm khắc với mình, độ lượng với người khác. Phải có tởnh nhõn õi với cả những ai cú sai lầm, đó nhận rừ và cố gắng sửa chữa, đánh thức những gỡ tốt đẹp trong mỗi con người. Bác căn dặn Đảng phải có tởnh đồng chí thương yêu lẫn nhau, trên nguyên tắc tự phê bình và phõ bình chõn thành.

Tởnh yêu thương con người cũn là tởnh yêu bạn bè, đồng chí, có thái độ tôn trọng con người, điều này có ý nghĩa đối với người lính đạo.

c. Tinh thần quốc tế trong sáng, thủy chung

Đó là tinh thần quốc tế vô sản, bốn phương vô sản đều là anh em. Đó là tinh thần đoàn kết với các dân tộc bị áp bức, với nhân dân lao động các nước. Đó là tinh thần đoàn kết của nhân dân Việt Nam với tất cả những người tiến bộ trên thế giới vì hoà bình, cộng lý và tiến bộ xã hội. Sự đoàn kết là nhằm vào mục tiêu lớn của thời đại hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

2. Liên hệ tư tưởng của Người về đạo đức vào việc giáo dục, rèn luyện đạo đức cho thế hệ trẻ hiện nay.

Tư tưởng Hồ Chí Minh là di sản tinh thần vô cùng quý báu, những tư tưởng vô giá, những giá trị nhân văn cao cả, đặc biệt là tư tưởng đạo đức cách mạng của Người mãi là ánh sáng soi đường cho toàn Đảng, toàn quân, toàn dân.

Đối với thế hệ trẻ những chủ nhân tương lai của đất nước, lớp người kế tục trung thành sự nghiệp cách mạng vẻ vang của Đảng, của dân tộc “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh” là một niềm vinh dự đồng thời là một nhiệm vụ vô cùng quan trọng và cần thiết.

Học tập tấm gương đạo đức cách mạng vĩ đại của Người gắn với những việc làm, những hành động cụ thể, để những tư tưởng, đạo đức vĩ đại của Người thấm sâu, tỏa sáng trong mỗi chúng ta. Nhiệm vụ đầu tiên của tuổi trẻ hôm nay đó là phát huy nhiệt huyết sức trẻ, trí tuệ thực hiện thành công lý tưởng của Đảng, của Bác: Dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, xây dựng thành công CNXH trên đất nước ta.

Không ngừng mở rộng mặt trận đoàn kết tập hợp thanh niên, chú trọng thanh niên dân tộc, tôn giáo vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn, trong các doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp liên doanh. Đoàn kết tập hợp thanh niên là một bộ phận không tách rời đại đoàn kết toàn dân tộc dưới sự lãnh đạo của Đảng. Mở rộng mặt trận đoàn kết tập hợp thanh niên sẽ phát huy được sức mạnh tổng hợp của các tầng lớp nhân dân góp phần thực hiện thành công sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, quê hương. Mỗi một đoàn viên thanh niên cần phải thường xuyên nhận thức sâu sắc về rèn luyện tu dưỡng đạo đức, gương mẫu chấp hành pháp luật của Nhà nước, có trách nhiệm với gia đình và xã hội. Vấn đề quan trọng nhất là công tác giáo dục của Đoàn phải thực hiện tốt hơn, chức năng giáo dục bồi dưỡng hình thành nhân cách tốt đẹp cho thế hệ trẻ với những tiêu chí hướng tới: Sống có lý tưởng cách mạng, có hoài bão, trí tuệ, bản lĩnh, lối sống trong sáng,

giàu lòng nhân ái, giàu nhiệt huyết góp phần quan trọng hình thành nguồn nhân lực trẻ có chất lượng phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Mỗi một đoàn viên thanh niên cần nhận thức sâu sắc về vấn đề học tập, nâng cao trình độ trong hội nhập và phát triển. Người đã từng dạy: “Học để phục vụ Tổ quốc, phục vụ nhân dân, làm cho dân giàu nước mạnh, tức là để làm tròn nhiệm vụ người chủ nước nhà”.

Học tập và làm theo tấm gương đạo đức vĩ đại của Người đối với tuổi trẻ chúng ta là một nhiệm vụ chính trị quan trọng được tiến hành thường xuyên liên tục lâu dài, với mục tiêu là thấm nhuần, là một quá trình từ nhận thức đi đến hành động. Các cấp bộ Đoàn phải thường xuyên tổ chức học tập tư tưởng đạo đức của Người phù hợp từng đối tượng. Cần phải sáng tạo các hình thức học tập để không khô cứng giáo điều mà sinh động hấp dẫn lôi cuốn mọi người. Tư tưởng của Người thật vĩ đại nhưng vô cùng gần gũi trong đời sống do đó cần chọn lựa các cách thức để đi vào lòng người trở thành hoạt động thiết thực trong cuộc sống. Nên đa dạng các hình thức học tập, giáo dục hấp dẫn có hiệu quả như diễn đàn, hội thi... các chuyên đề sinh hoạt tư tưởng, sử dụng các hình thức văn hóa, văn nghệ có hiệu quả để đưa tư tưởng đạo đức của Người đến với thanh niên một cách sinh động.

Điều quan trọng hơn hết là sự định hướng của tổ chức Đoàn cho mỗi đoàn viên thanh niên luôn tự giác học tập và rèn luyện theo tấm gương đạo đức của Người, tìm thấy trong những lời dạy bảo ân cần của Người các giá trị định hướng cho suy nghĩ và hành động của bản thân.

Mãi mãi các thế hệ thanh niên Việt Nam luôn khắc ghi lời dạy của Người

*“Không có việc gì khó
Chỉ sợ lòng không bền
Đào núi và lấp biển
Quyết chí ắt làm nên”*

Bài học tinh thần về nghị lực phi thường vượt qua mọi khó khăn của Bác luôn sẽ là động lực thúc đẩy thế hệ trẻ hôm nay vươn tới giành những đỉnh cao trong sự nghiệp vĩ đại của toàn dân tộc.

Câu 8: Cơ sở và quá trình hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc?

Tư tưởng đại đoàn kết dân tộc và việc xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc là một cống hiến đặc sắc, có giá trị lý luận và giá trị thực tiễn hết sức quan trọng.

Tư tưởng đại đoàn kết dân tộc của Hồ Chí Minh được hình thành trên những cơ sở lý luận và thực tiễn như sau:

1. Trải qua hàng nghìn năm đấu tranh trong sự nghiệp dựng nước và giữ nước, nhân dân ta đã xây dựng nên truyền thống yêu nước gắn liền với ý thức cộng đồng, ý thức cố kết dân tộc, đoàn kết dân tộc. Truyền thống này đã thành cách tư duy, hành động và tạo ra sức mạnh vô địch của dân tộc.

Tình cảm tự nhiên của người Việt Nam là yêu nước- nhân nghĩa - đoàn kết. Dân ta thường trao truyền cho nhau tình cảm:

*Nhiều điều phải lấy giá gương
Người trong một nước phải thương nhau cùng.*

Dạy cho nhau triết lý nhân sinh:

Một cây làm chẳng nên non

Ba cây chụm lại nên hòn núi cao.

Tổng kết thành phép ứng xử và tư duy chính trị.

Tình làng, nghĩa nước

Nước mất thì nhà tan

Giặc đến nhà, đàn bà phải đánh.

Chở thuyền là dân, lật thuyền cũng là dân...

Tổ chức xã hội truyền thống Việt Nam là biểu tượng của lý tưởng đoàn kết gắn bó cộng đồng: Nhà - Làng- Nước, tạo ra sức mạnh giữ vững độc lập và thịnh vượng của dân tộc.

Các bậc tiền bối như Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh đã tiếp nối truyền thống đoàn kết dân tộc thể hiện trong tập hợp lực lượng dân tộc chống thực dân Pháp đã để lại những tư tưởng, cách thức xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc được Hồ Chí Minh tiếp thu phát triển.

Hồ Chí Minh từ rất sớm đã hấp thụ được những truyền thống yêu nước- nhân nghĩa - đoàn kết của dân tộc.

2. Những kinh nghiệm của cách mạng Việt Nam, cách mạng của nhiều nước trên thế giới được Hồ Chí Minh nghiên cứu, rút ra những bài học cần thiết- đó là cơ sở thực tiễn không thể thiếu được trong hình thành tư tưởng đại đoàn kết Hồ Chí Minh.

Những phong trào chống thực dân Pháp của nhân dân ta từ cuối thế kỷ XIX sang thế kỷ XX là cuộc đấu tranh bi hùng, vô cùng oanh liệt nhưng đều thất bại. Chứng kiến thực tiễn đó, đã giúp cho Hồ Chí Minh thấy được những hạn chế trong việc tập hợp lực lượng của các nhà yêu nước tiền bối, cũng như những yêu cầu khách quan mới của lịch sử dân tộc.

Năm 1911, Hồ Chí Minh bắt đầu thực hiện cuộc khảo sát toàn thế giới, từ các nước tư bản đến các nước thuộc địa. Người nghiên cứu nguyên nhân thắng lợi của cách mạng Mỹ, cách mạng Pháp. Người nhìn rõ sức mạnh tiềm ẩn của các dân tộc thuộc địa là vô cùng to lớn. Nhưng họ rơi vào thế đơn độc, họ chưa có lãnh đạo, chưa biết đoàn kết, chưa có tổ chức và chưa biết tổ chức đoàn kết.

Hồ Chí Minh tới tận nước Nga nghiên cứu cách mạng Tháng Mười. Điều đó đã giúp Người hiểu rõ thế nào là cuộc “cách mạng đến nơi” để rút ra kinh nghiệm tập hợp lực lượng cho cách mạng Việt Nam.

Nghiên cứu cách mạng Trung Quốc, Ấn Độ, Hồ Chí Minh đã rút được nhiều bài học bổ ích để tập hợp lực lượng cho cách mạng Việt Nam như đoàn kết dân tộc, các giai tầng, các đảng phái, các tôn giáo...

3. Những quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin: cách mạng là sự nghiệp của quần chúng, nhân dân là người sáng tạo ra lịch sử, giai cấp vô sản phải trở thành dân tộc, liên minh công nông, đoàn kết dân tộc phải gắn với đoàn kết quốc tế... đã trở thành cơ sở lý luận quan trọng nhất đối với quá trình hình thành tư tưởng đại đoàn kết dân tộc của Hồ Chí Minh.

Đến với chủ nghĩa Mác-Lênin, Hồ Chí Minh đã tìm ra con đường tự giải phóng cho dân tộc, thấy rõ sự cần thiết và con đường tập hợp, đoàn kết các lực lượng của dân tộc và trên thế giới để giành thắng lợi hoàn toàn trong sự nghiệp chống chủ nghĩa thực dân, giải phóng dân tộc.

Câu 9: Quan điểm cơ bản của Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc? Ngày nay trong điều kiện nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa cần lưu ý những vấn đề gì khi xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc?

a. Quan điểm cơ bản của Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc.

Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc có nhiều quan điểm- có quan điểm mang tính nền tảng, có quan điểm mang tính nguyên tắc, có quan điểm mang tính phương pháp đại đoàn kết. Dưới đây là những quan điểm chủ yếu của Người.

1. Đại đoàn kết dân tộc là vấn đề có ý nghĩa chiến lược, quyết định thành công của cách mạng.

Với Hồ Chí Minh đại đoàn kết dân tộc không phải là sách lược, không phải là thủ đoạn chính trị mà là chính sách dân tộc, là vấn đề chiến lược của cách mạng.

Bởi vậy, đại đoàn kết dân tộc là vấn đề sống còn của dân tộc. “Đoàn kết là sức mạnh, đoàn kết là thắng lợi”, “Đoàn kết là sức mạnh, là then chốt của thành công”. Đoàn kết là điểm mẹ. “Điểm này mà thực hiện tốt thì đẻ ra con cháu đều tốt”. Hồ Chí Minh khẳng định: “Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết. Thành công, thành công, đại thành công”.

2. Đại đoàn kết dân tộc là một mục tiêu, một nhiệm vụ hàng đầu của cách mạng.

Hồ Chí Minh nói với dân tộc: “Mục đích của Đảng Lao động Việt Nam có thể gồm trong 8 chữ là: đoàn kết toàn dân, phụng sự tổ quốc”. Bởi vậy tư tưởng đại đoàn kết dân tộc phải được quán triệt trong mọi đường lối, chính sách của Đảng và Chính phủ.

Xét về bản chất thì đại đoàn kết dân tộc chính là đòi hỏi khách quan của bản thân quần chúng nhân dân trong cuộc đấu tranh để tự giải phóng, là sự nghiệp của quần chúng, do quần chúng, vì quần chúng. Nhận thức rõ điều đó, Đảng tiên phong cách mạng có sứ mệnh thức tỉnh, tập hợp, hướng dẫn, chuyển những đòi hỏi khách quan, tự phát của quần chúng thành những đòi hỏi tự giác, thành hiện thực có tổ chức, thành sức mạnh vô địch của quần chúng thực hiện mục tiêu cách mạng của quần chúng.

Như vậy đại đoàn kết dân tộc vừa là mục tiêu, mục đích, nhiệm vụ hàng đầu của Đảng, đồng thời cũng là mục tiêu, mục đích, nhiệm vụ hàng đầu của cả dân tộc.

3. Đại đoàn kết dân tộc là đại đoàn kết toàn dân.

Trước hết, khái niệm dân tộc trong tư tưởng Hồ Chí Minh được đề cập với nghĩa rất rộng- vừa với nghĩa là cộng đồng, “mọi con dân nước Việt”, vừa với nghĩa cá thể “mỗi một con Rồng cháu Tiên”, không phân biệt dân tộc, tôn giáo, không phân biệt “già, trẻ, gái, trai, giàu nghèo, quý tiện”. Ở trong nước hay ở ngoài nước đều là chủ thể của khối đại đoàn kết dân tộc. Như vậy Hồ Chí Minh đã dùng khái niệm đại đoàn kết dân tộc để định hướng cho việc xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân trong suốt tiến trình lịch sử cách mạng Việt Nam.

Đại đoàn kết toàn dân, theo Hồ Chí Minh thì phải bằng truyền thống dân tộc mà khoan dung, độ lượng với con người, mà đoàn kết ngay với những người lầm đường, lạc lối, nhưng đã biết hối cải, không được đẩy họ ra khỏi khối đoàn kết. Muốn vậy, cần xoá bỏ hết thành kiến, cần thật thà đoàn kết với nhau, giúp đỡ nhau cùng tiến bộ để phục vụ nhân dân.

Đại đoàn kết toàn dân, theo Hồ Chí Minh là cần phải có lòng tin ở nhân dân, tin rằng hễ là người Việt Nam “ai cũng có ít nhiều tấm lòng yêu nước” mà khơi dậy và đoàn kết với nhau vì độc lập, thống nhất của Tổ quốc, vì tự do và hạnh phúc của nhân dân.

Đoàn kết toàn dân tộc, toàn dân phải được xây dựng trên nền tảng “trước hết phải đoàn kết đại đa số nhân dân, mà đại đa số nhân dân ta là công nhân, nông dân và các tầng lớp nhân dân lao động khác. Đó là nền gốc của địa đoàn kết. Nó cũng như cái nền của nhà, cái gốc của cây. Nhưng đã có nền vững, gốc tốt còn phải đoàn kết các tầng lớp nhân dân khác”. Người còn chỉ ra lực lượng nòng cốt tạo ra cái nền tảng ấy “là công nông, cho nên liên minh công nông là nền tảng của Mặt trận dân tộc thống nhất”. Về sau, Người xác định thêm: lấy liên minh công nông- lao động trí óc làm nền tảng cho khối đoàn kết toàn dân.

4. Đại đoàn kết dân tộc phải có tổ chức, có lãnh đạo

Tư tưởng đại đoàn kết dân tộc của Hồ Chí Minh trở thành chiến lược đại đoàn kết của cách mạng Việt Nam, hình thành Mặt trận dân tộc thống nhất, tạo ra sức mạnh to lớn quyết định thắng lợi của cách mạng.

Ngay từ đầu, Hồ Chí Minh đã chú ý tập hợp người Việt Nam ở trong nước và định cư ở nước ngoài vào các tổ chức phù hợp với giai tầng, từng giới, từng ngành nghề, từng lứa tuổi, từng tôn giáo, phù hợp từng thời kỳ cách mạng. Tất cả được tập hợp thành Mặt trận dân tộc thống nhất để liên kết và phát huy sức mạnh của toàn dân. Tùy thời kỳ lịch sử mà Mặt trận dân tộc thống nhất có tên gọi khác nhau.

Mặt trận dân tộc thống nhất hình thành được và hoạt động được phải trên cơ sở những nguyên tắc: 1- Mặt trận phải được xây dựng trên nền tảng liên minh công nông và lao động trí óc, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản. 2- Mặt trận hoạt động trên nguyên tắc hiệp thương dân chủ, lấy việc thống nhất lợi ích tối cao của dân tộc và lợi ích của các tầng lớp nhân dân làm cơ sở để củng cố và không ngừng mở rộng. 3- Đoàn kết lâu dài, chặt chẽ thật sự, chân thành, thân ái giúp đỡ nhau cùng tiến bộ.

5. Đại đoàn kết dân tộc phải gắn liền với đoàn kết quốc tế

Đến với chủ nghĩa Mác-Lênin, tìm thấy con đường giải phóng dân tộc, Hồ Chí Minh đã sớm xác định: cách mạng Việt Nam là một bộ phận của cách mạng thế giới, cách mạng chỉ có thể thắng lợi khi đoàn kết chặt chẽ với phong trào cách mạng thế giới. Trong mối quan hệ này phải được xây dựng trên cơ sở chủ nghĩa yêu nước chân chính gắn liền với chủ nghĩa quốc tế trong sáng của giai cấp công nhân.

Ngay khi thành lập Đảng (1930), Hồ Chí Minh đã viết trong Cương lĩnh đầu tiên của Đảng là cách mạng Việt Nam “phải có đảng cách mệnh, để trong thì vận động và tổ chức dân chúng, ngoài thì liên lạc với dân tộc bị áp bức và vô sản giai cấp mọi nơi”. Tư tưởng này đã soi sáng và được cụ thể hoá suốt chiều dài lãnh đạo cách mạng của Đảng về sau, tiêu biểu là hình thành ba tầng Mặt trận ở thời kỳ chống Mỹ, cứu nước.

Có thể thấy đại đoàn kết dân tộc là một trong những nhân tố quyết định thắng lợi của cách mạng Việt Nam, thì đoàn kết quốc tế cũng là một nhân tố hết sức quan trọng giúp cho cách mạng Việt Nam đi đến thắng lợi hoàn toàn.

b. Ngày nay trong điều kiện nền kinh tế thị trường định hướng XHCN cần lưu ý những vấn đề gì khi xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc.

Ngày nay, chúng ta phải tiếp tục xây dựng và thực hiện đồng bộ thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN, giải phóng mạnh mẽ sức sản xuất, phát huy cao độ tiềm năng của mọi thành phần kinh tế, trong đó kinh tế Nhà nước phải vững mạnh, kinh doanh có hiệu quả, giữ vai trò chủ đạo. Đẩy mạnh hơn nữa công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, coi trọng công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp và nông thôn. Bảo đảm tăng trưởng kinh tế gắn liền với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội trong từng bước và từng chính sách phát triển. Khuyến khích mọi người làm giàu chính đáng, đồng thời tích cực xóa đói, giảm nghèo, chăm sóc đời sống những gia đình có công với nước, những người có số phận rủi ro, quan tâm hơn nữa việc phát triển kinh tế - xã hội của vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

Phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết dân tộc, lấy mục tiêu giữ vững độc lập, thống nhất Tổ quốc vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ văn minh làm điểm tương đồng để gắn bó đồng bào các dân tộc, tôn giáo, các tầng lớp nhân dân, đồng bào ở trong nước cũng như đồng bào định cư ở nước ngoài vì sự nghiệp chung. Trong nhận thức cũng như trong hành động, phải thật sự xoá bỏ mặc cảm, định kiến, phân biệt đối xử do quá khứ, thành phần, giai cấp, nghề nghiệp, vị trí xã hội, xây dựng tinh thần cởi mở, tin cậy lẫn nhau, cùng hướng tới tương lai để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Phát huy hơn nữa nền dân chủ XHCN gắn liền với việc xây dựng Nhà nước trong sạch, vững mạnh. Nâng cao chất lượng hoạt động của các tổ chức và hình thức dân chủ đại diện, dân chủ trực tiếp và tự quản của nhân dân. Thực hiện tốt sự kết hợp hài hòa giữa lợi ích của cá nhân với lợi ích tập thể và lợi ích xã hội, thực sự coi trọng lợi ích trực tiếp của người lao động. Lấy việc xây dựng bộ máy, đội ngũ cán bộ, công chức thực sự của dân, do dân, vì dân là tiền đề xây dựng nền dân chủ XHCN.

Sự nghiệp cách mạng trong giai đoạn mới đòi hỏi chúng ta không ngừng tăng cường nền quốc phòng, an ninh, xây dựng thể trận quốc phòng toàn dân, đặc biệt chú trọng xây dựng các khu vực phòng thủ tỉnh, thành vững chắc, xây dựng an ninh nhân dân, tăng cường xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân cách mạng chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, tăng cường sức mạnh tổng hợp để bảo vệ vững chắc nền độc lập dân tộc, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, bảo vệ lợi ích quốc gia, lợi ích của nhân dân, chế độ XHCN.

Chúng ta tiếp tục thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập tự chủ, rộng mở, đa phương hóa, đa dạng hóa các quan hệ quốc tế trên tinh thần Việt Nam sẵn sàng là bạn, và đối tác tin cậy của tất cả các nước trên thế giới, phấn đấu vì hòa bình, độc lập, hợp tác và phát triển. Chúng ta ra sức giữ vững môi trường hòa bình và tranh thủ các điều kiện quốc tế thuận lợi, chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế, mở rộng giao lưu, hợp tác trên các lĩnh vực khác vừa phát huy cao độ nội lực vừa tranh thủ tốt nhất mọi nguồn lực bên ngoài để đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Câu 10: Phân tích làm sáng tỏ những quan điểm của Hồ Chí Minh về văn hoá? Vận dụng những quan điểm đó của Người vào việc xây dựng nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc ở Việt Nam hiện nay?

1. Những quan điểm chung của Hồ Chí Minh về văn hoá

“Vỡ lẽ sinh tồn cũng như mục đích của cuộc sống, loài người mới sáng tạo và phát minh ra ngôn ngữ, chữ viết, đạo đức, pháp luật, khoa học, tôn giáo, văn học, nghệ thuật, những công cụ cho sinh hoạt hàng ngày về mặc, ăn, ở và các phương thức sử dụng. Toàn bộ những sáng tạo và phát minh đó tức là văn hoá. Văn hoá là tổng hợp của mọi phương thức sinh hoạt cùng với biểu hiện của nó mà loài người đó sản sinh ra nhằm thích ứng những nhu cầu đời sống và đòi hỏi của sự sinh tồn”.

a. *Quan niệm về vị trí, vai trò của văn hoá:* Văn hoá là bộ phận của kiến trúc thượng tầng, là đời sống tinh thần của xã hội. Chính trị, xã hội được giải phóng thì văn hoá mới được giải phóng. Chính trị giải phóng mở đường cho văn hoá phát triển. Hồ Chí Minh đã vạch ra đường lối: Phải tiến hành cách mạng chính trị trước, cụ thể là cách mạng giải phóng dân tộc để giành chính quyền, từ đó giải phóng văn hoá, mở đường cho văn hoá phát triển. “Xã hội thế nào thì văn hoá thế ấy. Văn nghệ của ta rất phong phú, nhưng dưới chế độ thực dân và phong kiến nhân dân ta bị nô lệ, thơ văn nghệ cũng bị nô lệ, bị tối tăm, không thể phát triển được”. Người dự định xây dựng văn hoá với 5 nội dung lớn:

- (1) Xây dựng tâm lý: tinh thần độc lập tự cường.
- (2) Xây dựng luân lý: biết hy sinh mình, làm lợi cho quần chúng.
- (3) Xây dựng xã hội: mọi sự nghiệp liền quan đến phúc lợi của nhân dân trong xã hội.
- (4) Xây dựng chính trị: dân quyền
- (5) Xây dựng kinh tế”.

Văn hoá là một kiến trúc thượng tầng nhưng không thể đứng ngoài, mà nó phải ở trong kinh tế và chính trị. Văn hoá phải phục vụ nhiệm vụ chính trị, thúc đẩy xây dựng và phát triển kinh tế. Tuy “kinh tế có kiến thiết rồi, văn hoá mới kiến thiết được”, nhưng văn hoá phát triển không thụ động, văn hoá có tính tích cực chủ động, nó đóng vai trò to lớn thúc đẩy kinh tế và chính trị phát triển như một động lực. “Văn hoá ở trong chính trị” tức là văn hoá phải tham gia nhiệm vụ chính trị, tham gia cách mạng, kháng chiến và xây dựng CNXH. “Văn hoá ở trong kinh tế” tức là văn hoá phải phục vụ, thúc đẩy xây dựng và phát triển kinh tế. “Văn hoá ở trong kinh tế và chính trị” cũng có nghĩa là chính trị và kinh tế phải có tính văn hoá.

Văn hoá có quan hệ mật thiết với kinh tế, chính trị, xã hội, tạo thành bốn vấn đề chủ yếu của đời sống xã hội và phải nhận thức như sau:

- Văn hoá quan trọng ngang kinh tế, chính trị, xã hội.
- Chính trị, xã hội có được giải phóng thì văn hoá mới được giải phóng. Chính trị giải phóng mở đường cho văn hoá phát triển.
- Xây dựng kinh tế để tạo điều kiện cho việc xây dựng và phát triển văn hoá.
- Văn hoá là kiến trúc thượng tầng, nó phải phục vụ nhiệm vụ chính trị, thúc đẩy xây dựng và phát triển kinh tế.

Trong kháng chiến, Người định hướng hoạt động văn hoá, thực hiện khẩu hiệu: “văn hoá hoá kháng chiến, kháng chiến hoá văn hoá”, những người hoạt động văn hoá cũng là chiến sĩ trên mặt trận văn hoá.

b. Quan điểm về tính chất của nền văn hoá mới

Trong thời kỳ cách mạng dân tộc dân chủ, nền văn hoá thể hiện:

- Tính dân tộc, đặc tính dân tộc hay cốt cách dân tộc là cốt tinh tuý, đặc trưng riêng của văn hoá dân tộc. Cốt cách văn hoá dân tộc không phải “nhất thành bất biến”, mà có phát triển và bổ sung nét mới.

- Tính khoa học của nền văn hoá thuận với trào lưu tiến hoá của tư tưởng hiện đại: hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội. Những người làm văn hoá phải có trí tuệ, hiểu biết khoa học tiên tiến, phải có chiến lược xây dựng văn hoá mang tầm thời đại.

- Tính đại chúng của nền văn hoá là phục vụ nhân dân, phù hợp nguyện vọng của nhân dân, đậm đà tính nhân văn.

Trong công cuộc xây dựng xã hội chủ nghĩa, nền văn hoá thể hiện:

- Nội dung xã hội chủ nghĩa: tiên tiến, tiến bộ, khoa học, hiện đại, tiếp thu tinh hoa văn hoá nhân loại.

- Tính dân tộc của nền văn hoá là giữ gìn, kế thừa và phát huy những truyền thống văn hoá tốt đẹp của dân tộc, phù hợp với điều kiện lịch sử mới.

c. Quan điểm về chức năng của văn hoá

- Một là, bồi dưỡng tư tưởng đạo đức đúng đắn và tõn cảm cao đẹp cho con người. Người thường xuyên quan tâm đến bồi dưỡng lý tưởng cho cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân. Đó là chức năng cao quý của văn hoá. Hồ Chí Minh nói phải làm cho văn hoá soi đường cho quốc dân đi, đi sâu vào tâm lý quốc dân, để xây dựng tõn cảm lớn cho con người.

- Hai là, nâng cao dân trí, “mọi người phải hiểu biết quyền lợi của mình... phải cú kiến thức mới để có thể tham gia vào công cuộc xây dựng nước nhà, và trước hết phải biết đọc, biết viết chữ quốc ngữ” Khi miền Bắc quá độ lên CNXH, Người nói “chúng ta phải biến một nước dốt nát, cực khổ thành một nước văn hoá cao và đời sống vui tươi hạnh phúc.”

- Ba là, bồi dưỡng những phẩm chất tốt đẹp, những phong cách lành mạnh, luôn hướng con người vươn tới chân- thiện- mỹ để không ngừng hoàn thiện bản thân mình.

b. Vận dụng những quan điểm đó của Người vào việc xây dựng nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc ở Việt Nam hiện nay?

Nhiệm vụ hàng đầu trong quá trình xây dựng và phát triển nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc là xây dựng con người Việt Nam trong giai đoạn cách mạng mới với những nội dung sau:

- Có tinh thần yêu nước, tự cường dân tộc, phấn đấu vì độc lập dân tộc và CNXH, có ý chí vươn lên đưa đất nước thoát khỏi nghèo nàn, lạc hậu, đoàn kết với nhân dân thế giới trong sự nghiệp đấu tranh vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

- Có ý thức tập thể, đoàn kết, phấn đấu vì lợi ích chung.

- Có lối sống lành mạnh, nếp sống văn minh, cần, kiệm, trung thực, nhân nghĩa, tôn trọng kỷ cương phép nước, quy ước của cộng đồng, có ý thức bảo vệ và cải thiện môi trường sinh thái.

- Lao động chăm chỉ với lương tâm nghề nghiệp, có kỹ thuật, sáng tạo, năng suất cao vì lợi ích của bản thân, gia đình, tập thể và xã hội.

- Thường xuyên học tập, nâng cao hiểu biết, trình độ chuyên môn, trình độ thẩm mỹ và thể lực.

Bảo tồn và phát huy các di sản văn hoá dân tộc, tiếp thu tinh hoa và góp phần làm phong phú thêm nền văn hoá của nhân loại trong quá trình giao lưu, hội nhập quốc tế. Phải nhận thức giao lưu, hội nhập và một xu thế tất yếu khách quan hiện nay, nhưng chừa đưng trong đó cả mặt tích cực và tiêu cực. Mở rộng giao lưu, hội nhập trên cơ sở lấy bản sắc dân tộc làm nền tảng. Cần nhìn nhận văn hoá trong mối quan hệ với phát triển.

Phải đấu tranh chống sự xâm nhập của những yếu tố phản văn hoá. Chống khuynh hướng hòa tan giá trị, áp đặt giá trị văn hoá ngoại lai, từng bước hủy hoại nhân cách con người, đầu độc nhân dân, trước hết là lớp trẻ.

Câu 11: Cơ sở lý luận và thực tiễn hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam?

Theo các nhà kinh điển Mác-Lênin, Đảng Cộng sản ra đời là sản phẩm của sự kết hợp của lý luận CNXH khoa học với phong trào công nhân. Tức là khi phong trào công nhân tiếp nhận lý luận của chủ nghĩa Mác-Lênin làm cơ sở lý luận của phong trào làm cho nó phát triển và đến độ nhất định thì chính phong trào công nhân đòi hỏi có bộ tham mưu- tức Đảng của giai cấp vô sản ra đời để dẫn dắt phong trào cách mạng của giai cấp công nhân tiếp tục phát triển đi tới đích là chủ nghĩa cộng sản.

Vận dụng nguyên lý này của chủ nghĩa Mác-Lênin vào điều kiện cụ thể của Việt Nam, Hồ Chí Minh xác định: Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời là sản phẩm của sự kết hợp chủ nghĩa Mác-Lênin với phong trào

công nhân và phong trào yêu nước. Có luận điểm sáng tạo và phát triển này, trước hết ta thấy ở Hồ Chí Minh có sự hiểu sâu sắc những luận điểm của Mác là giai cấp công nhân “phải tự vươn lên thành giai cấp dân tộc”, “tự mình trở thành dân tộc” thì mới lãnh đạo cách mạng thắng lợi ngay trên đất nước mình. Mặt khác, Hồ Chí Minh hiểu đúng đắn thực tiễn Việt Nam khi đó, giai cấp công nhân mới ra đời, còn ít về số lượng, phong trào công nhân còn non yếu, nếu chủ nghĩa Mác-Lênin chỉ đi vào phong trào công nhân không thôi thì chưa đủ. Trong khi đó, chủ nghĩa yêu nước Việt Nam là một động lực lớn của đất nước, phong trào yêu nước Việt Nam có sớm và mạnh mẽ. Từ chủ nghĩa yêu nước có thể đến với chủ nghĩa Mác-Lênin là con đường của Hồ Chí Minh cũng là con đường của nhiều người Việt Nam khác, khi họ nhận rõ đi theo chủ nghĩa Mác-Lênin thì dân tộc sẽ được độc lập, nhân dân sẽ được tự do hạnh phúc.

Thực tiễn khi Nguyễn ái Quốc truyền bá chủ nghĩa Mác-Lênin vào phong trào công nhân đồng thời truyền vào phong trào yêu nước Việt Nam thì phong trào cách mạng Việt Nam từ 1925 chuyển hướng mạnh mẽ theo xu hướng vô sản. Khi phong trào lên cao đã đòi hỏi phải có Đảng tiên phong dẫn đường. Đáp ứng đòi hỏi khách quan đó, ngày 3-2-1930, Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời.

Câu 12: Phân tích những nội dung cơ bản tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam? Vận dụng những nguyên tắc xây dựng Đảng của Người vào việc xây dựng và chỉnh đốn Đảng ta hiện nay?

a. Những nội dung cơ bản tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam.

Cách mạng Việt Nam đi từ tự phát đến tự giác, có tổ chức, có đường lối được giác ngộ CNXH Mác-Lênin giành thắng lợi to lớn đó là nhờ có Đảng Cộng sản Việt Nam.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam là nhân tố quyết định hàng đầu đưa cách mạng Việt Nam đến thắng lợi

Vận dụng sống tạo lý luận của chủ nghĩa Mác-Lênin và kế thừa truyền thống dân tộc, Hồ Chí Minh khẳng định cách mạng là sự nghiệp của quần chúng nhưng quần chúng phải được giác ngộ, được tổ chức và được lãnh đạo theo một đường lối đúng đắn mới trở thành lực lượng to lớn của cách mạng – như con thuyền có người cầm lái vững vàng... thỡ thuyền mới vượt qua được gió to sóng cả để đi đến bến bờ. Bác nhấn mạnh “cách mạng trước hết phải cú gỡ? Phải cú Đảng Cách mệnh, để trong thỡ vận động và tổ chức dân chúng, ngoài thỡ liờn lạc với đõn tộc bị ỏp bức và vự sản giai cấp ở mọi nơi. Đảng cú vững cách mạng mới thành công, cũng như người cầm lái cú vững thỡ con thuyền mới chạy.”

Đảng Cộng sản Việt Nam là chính đảng mạng mang bản chất của giai cấp công nhân Việt Nam, là đội tiên phong của giai cấp công nhân, có khả năng đoàn kết tập hợp các tầng lớp nhân dân khác làm cách mạng. Đảng là đội tiên phong dũng cảm và là đội tham mưu sáng suốt. Đảng Cộng sản Việt Nam tận tâm, tận lực phụng sự tổ quốc, phụng sự nhân dân, trung thành tuyệt đối với lợi ích của giai cấp, của nhân dân, của dân tộc, Đảng không có lợi ích nào khác ngoài lợi ích của nhân dân và của dân tộc. Mục tiêu phấn đấu của Đảng là độc lập cho dân tộc, tự do cho nhân dân, hạnh phúc cho mọi người.

“Muốn khỏi đi lạc phương hướng, quần chúng phải có đảng lãnh đạo để nhận rừ tõnh hõnh, đường lối và định phương châm cho đúng”.

Cách mạng là cuộc đấu tranh gian khổ. Kẻ địch rất mạnh. Muốn thắng lợi thỡ quần chúng phải tổ chức chặt chẽ, chớ khớ phải kiờn quyết. Vỡ vậy, phải cú Đảng để tổ chức và giáo dục nhân dân thành một đội quân thật mạnh, đánh kẻ địch giành chính quyền. Cách mạng thắng lợi rồi, quần chúng vẫn cần cú Đảng”.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam là sản phẩm của sự kết hợp chủ nghĩa Mác-Lênin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước

Đây chính là quy luật hõnh thành và phỏt triển Đảng Cộng sản Việt Nam, đồng thời là sự bổ sung sáng tạo vào kho tàng lý luận của chủ nghĩa Mác-Lênin. Vỡ sao Hồ Chí Minh lại thõm yếu tố phong trào yêu nước?

1. Phong trào yêu nước có vị trí, vai trò cực kỳ to lớn trong quá trình phỏt triển của đõn tộc Việt Nam.

2. Phong trào công nhân kết hợp với phong trào yêu nước vỡ nú đều cú mục tiêu chung. Phong trào yêu nước Việt Nam là phong trào rộng lớn nhất cú trước phong trào công nhân từ nghìn năm lịch sử. Nó cuốn hút mọi tầng lớp nhân dân, toàn dân tộc đứng lên chống kẻ thù. Phong trào công nhân ngay từ khi mới ra đời đó kết hợp với phong trào yêu nước. Khác với những người cộng sản phương Tây, Hồ Chí Minh và những người cộng sản Việt Nam đó đi từ chủ nghĩa yêu nước đến với chủ nghĩa Mác-Lênin, từ giác ngộ dân tộc đến giác ngộ giai cấp.

3. Phong trào nông dân kết hợp với phong trào công nhân ngay từ đầu. Hơn 90% dân số là nông dân, họ là bạn đồng minh tự nhiên của giai cấp công nhân.

4. Phong trào yêu nước của trí thức Việt Nam là nhân tố quan trọng thúc đẩy sự kết hợp các yếu tố cho sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Quy luật hõnh thành đảng cộng sản Việt Nam trên cơ sở kết hợp vấn đề dân tộc với giai cấp, có ý nghĩa quan trọng đối với quá trình hõnh thành Đảng ở một nước thuộc địa. Đảng định hướng đúng đắn và thúc đẩy phong trào cách mạng. Hồ Chí Minh tởm cõch truyền bỏ chủ nghĩa Mỏc-Lờnin vào trong đõn, vào phong trào yêu nước, phong trào công nhân. Bác viết “không phải mọi người yêu nước đều là cộng sản, việc tiếp nhận đường lối của Đảng cộng sản là cần thiết để xác định mục tiêu yêu nước đúng đắn. Mọi người cộng sản trước hết phải là một người yêu nước tởu biểu, phải truyền bỏ chủ nghĩa Mỏc-Lờnin vào trong đõn, lỏnh đạo công nhân và quần chúng thực hiện thắng lợi đường lối của Đảng”.

3. Đảng Cộng sản Việt Nam là Đảng của giai cấp công nhân, của nhân dân lao động và của cả dân tộc Việt Nam

Từ quy luật hõnh thành và phát triển đảng, Hồ Chí Minh đó đi đến luận điểm Đảng Cộng sản Việt Nam là Đảng của giai cấp công nhân đồng thời là Đảng của cả dân tộc Việt Nam. Đảng là đội tiên phong của đạo quân vô sản, Đảng tập hợp vào hàng ngũ của mõnh những người “tin theo chủ nghĩa cộng sản, chương trình Đảng và quốc tế cộng sản... dám hy sinh phục tùng mệnh lệnh Đảng và đóng kinh phí, chịu phần đấu trong một bộ phận của Đảng”.

Tháng 2/1951, Bác viết: “Trong giai đoạn này, quyền lợi của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của cả đõn tộc là một. Chớnh vỡ Đảng là đảng của giai cấp công nhân và nhân dân lao động cho nên nó phải là Đảng của cả dân tộc Việt Nam”.

Năm 1961, Bác viết: “Đảng ta là đảng của giai cấp công nhân, đồng thời là Đảng của dân tộc không thiên tư, thiên vị.”

Đảng mang bản chất giai cấp công nhân thể hiện không chỉ ở số lượng đảng viên xuất thân từ giai cấp công nhân mà ở nền tảng tư tưởng của Đảng là chủ nghĩa Mác Lênin. Mục tiêu và đường lối của đảng là độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xỏ hội vỡ giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng con người. Đảng tuân thủ theo nguyên tắc đảng kiểu mới của Lênin. Đảng kết nạp những người ưu tú của giai cấp công nhân, nông dân, trí thức và các thành phần khác mà họ đó được rèn luyện, thử thách, giác ngộ về Đảng và tự nguyện chiến đấu trong hàng ngũ của Đảng. Đảng đặc biệt chú ý giõo dục, rỏn luyện đảng viên, giác ngộ giai cấp và dân tộc, nâng cao hiểu biết chủ nghĩa Mác Lênin. Đảng ta là sự thống nhất giữa tính giai cấp và tính dân tộc, lợi ích của giai cấp gắn với lợi ích của đõn tộc. **“Nhân dân và cả dân tộc thừa nhận đảng là người lỏnh đạo duy nhất, đại biểu cho quyền lợi cơ bản và thiết thân của mõnh.”**

Bản chất giai cấp của Đảng cũn thể hiện ở định hướng xây dựng Đảng thành Đảng gắn bó máu thịt với giai cấp công nhân, nhân dân lao động và toàn thể dân tộc trong mọi giai đoạn, mọi thời kỳ của cách mạng Việt Nam.

4. Đảng Cộng sản Việt Nam lấy chủ nghĩa Mác - Lênin “làm cốt”

Theo Bác “... chỉ có đảng nào theo lý luận cách mạng tiên phong, đảng cách mạng mới làm nổi trách nhiệm cách mạng tiên phong”, “Đảng muốn vững phải có chủ nghĩa làm cốt, trong Đảng ai cũng phải hiểu, ai cũng phải theo chủ nghĩa ấy” “bây giờ học thuyết nhiều, chủ nghĩa nhiều, nhưng chủ nghĩa chân chính nhất, chắc chắn nhất, cách mạng nhất là chủ nghĩa Lênin”... Chủ nghĩa Mác-Lênin là học thuyết về giải phóng giai cấp công nhân, nhân dân lao động, các dân tộc bị áp bức và giải phóng con người nói chung, đồng thời là học thuyết về sự phát triển xỏ hội lờn một hõnh thõi cao hơn, xoá bỏ hoàn toàn bất công, nguồn gốc đề ra sự bóc lột, áp bức. “Chủ nghĩa Mác-Lênin là lực lượng tư tưởng hùng mạnh chỉ đạo đảng chúng tôi, làm cho đảng chúng tôi có thể trở thành hõnh thức tổ chức cao nhất của quần chỳng lao động, hiện thân của trí tuệ, danh dự và lương tâm của dân tộc chúng tôi”.

Đảng lấy chủ nghĩa Mác-Lênin làm cốt có nghĩa là Đảng ta nắm vững tinh thần của chủ nghĩa Mác-Lênin, lập trường, quan điểm và phương pháp của chủ nghĩa Mác-Lênin, đồng thời nắm vững tinh hoa văn hoá dân tộc và trí tuệ thời đại vận dụng sáng tạo vào hoàn cảnh cụ thể của nước ta. Không máy móc, kinh viện, giáo điều.

Trong tiếp nhận và vận dụng chủ nghĩa Mác – Lênin, Hồ Chí Minh lưu ý những điểm sau đây:

- Học tập, nghiên cứu, tuyền truyền chủ nghĩa Mỏc-Lờnin phải lụn phụ hợp với hoàn cảnh và từng đối tượng.

- Vận dụng phải phụ hợp từng hoàn cảnh.

- Chú ý học tập, kế thừa kinh nghiệm tốt của các Đảng cộng sản khác, tổng kết kinh nghiệm của mõnh để bổ sung cho chủ nghĩa Mác-Lênin.

- Đảng tăng cường đấu tranh để bảo vệ sự trong sỏng của chủ nghĩa Mỏc-Lờnin.

5. Đảng Cộng sản Việt Nam xây dựng theo nguyên tắc đảng kiểu mới của giai cấp vô sản:

a. Tập trung đõn chủ

Đây là nguyên tắc cơ bản của tổ chức Đảng. Tập trung là thống nhất về tư tưởng, tổ chức, hành động. Thiểu số phục tùng đa số, cấp dưới phục tùng cấp trên, đảng viên chấp hành nghị quyết của tổ chức Đảng. “Đảng tuy nhiều người, nhưng khi tiến hành thì chỉ như một người”.

Dồn chủ là của “của quý báu của nhôn đồn”, là thành quả của cõch mạng. Tất cả mọi người được tự do bày tỏ ý kiến của mõinh, gúp phần tĩm ra chõn lý. Phải phõt huy đồn chủ nội bộ nếu khụng sẽ suy yếu từ bõn trong.

b. Tập thể lõnh đạo, cá nhân phụ trách

Tập thể lõnh đạo, nhiều người thờ thấy hết mọi việc, hiểu hết mọi mặt của vấn đề, có nhiều kiến thức, tránh tẽ bao biện, quan liêu, ãc ãoán, chủ quan. “Việc gĩ ão bàn kỹ lưỡng rồi, kế hoạch ãnh rừ ràng rồi, thờ cần phải giao cho một người hoặc một nhóm ít người phụ trách kế hoạch ão mà thi hành. Như thế mới có chuyên trách, công việc mới chạy”.

Cõ nhõn phụ trách, sau khi bàn bạc kỹ lưỡng thờ phải giao cho một người phụ trách (nếu là nhóm người thờ cú một người phụ trách chính) ãể tránh bừa bõi, lộn xộn, vụ chõnh phủ ãể hõng việc.

c. Tự phê bõnh và phờ bõnh:

Đây là nguyên tắc sinh hoạt ãng, là quy luật phát triển ãng. Tự phê bõnh là mõi ãng viên phải tự thấy rừ mõinh ãể phát huy mặt ưu ãiểm, khắc phục nhược ãiểm. Tự phê bõnh mà tốt thờ mới phờ bõnh người khác ãược. “muõn ãoàn kết trong ãng, phải thống nhất tư tưởng, mở rộng ãn chủ nội bộ, mở rộng tự phê bõnh và phờ bõnh”. ãó là vũ khí sắc bén ãể rèn luyện ãng viên.

“Một ãng mà gĩa ãiểm khuyết ãiểm ãó là một ãng hõng. Một ãng có gan thừa nhận khuyết ãiểm của mõinh, vạch rừ những cõi ãó vỡ ãâu mà có khuyết ãiểm ãó, xét rừ hoàn cảnh sinh ra khuyết ãiểm ãó, rồi tĩm cõch ãể sửa chữa khuyết ãiểm ãó. Như thế là một ãng tiến bộ, mạnh ãạn, chắc chắn, chân chính”.

Thái ãộ, phương pháp tự phê bõnh và phờ bõnh thật ãúng và nghiêm túc không phải ãễ ãàng. Nó là vấn ãe khoa học và nghệ thuật cách mạng. “Phải tiến hành thường xuyên như rửa mặt hàng ngày: phải trung thực, chân thành, thẳng thắn, không nề nang, không gĩa gĩa và cũng không thêm bớt khuyết ãiểm, phải có tĩnh ãõng chí yêu thương lẫn nhau”. Cán bộ, ãng viên phải luôn ãùng và khéo ãùng. ãể thực hiện tốt nguyên tắc này mọi người cần trung thực chân thành với nhau - với chính mõinh và với người khác, **“phải cú tĩnh ãõng chí yêu thương lẫn nhau”**. Bõc nhắc, trõnh lợi ãụng phờ bõnh ãể nói xấu nhau, bõi nhõ nhau, ãả kích nhau...

d. Kỷ luật nghiõm minh và tự giõc. Đây là nguyên tắc ãng kiểu mới do Lênin ãể ra, ãng thực sự là một tổ chức chiến ãấu chặt chẽ ãể giành thắng lợi cho sự nghiệp ãộc lập ãn tộc và chủ nghĩa xõ hội. Hồ Chõ Minh coi trọng xõy ãựng kỷ luật nghiõm minh và tự giõc trong ãng ãể tạo nên sức mạnh to lớn cho ãng.

Nghiõm minh là thuộc về tổ chức ãng, kỷ luật ãối với mọi ãng viên không phân biệt. Mọi ãng viên ãều bõnh ãng trước kỷ luật ãng.

Tự giác là thuộc về mõi cá nhân cán bộ ãng viên ãối với ãng. Kỷ luật này do lũng tự giõc của họ về nhiệm vụ của họ ãối với ãng. Yêu cầu cao nhất của kỷ luật ãng là chấp hành các chủ trương, nghị quyết của ãng tuân theo nguyên tắc tổ chức, lõnh ão và sinh hoạt ãng. “mõi ãng viên cần phải làm kiểu mẫu phục tùng kỷ luật, chẳng những kỷ luật ãng, mà cả kỷ luật của ãoàn thể nhân ãn và của cơ quan chính quyền cách mạng.”

e. ãoàn kết thống nhất trong ãng

“ãoàn kết là truyền thống cực kỳ quý báu của ãng ta, của nhân ãn ta...phải giữ gõn sự ãoàn kết trong ãng như giữ gõn con người của mắt mõinh.” Cơ sở ãể ãoàn kết nhất trí trong ãng chính là ãường lối, quan ãiểm của ãng, ãiều lệ của ãng. “Ngày nay, sự ãoàn kết trong ãng là quan trọng hơn bao giờ hết, nhất là sự ãoàn kết chặt chẽ gĩa các cán bộ lõnh ão”.

6. Tăng cường và củng cố mối quan hệ bền chặt giữa ãng với ãn.

Hồ Chí Minh yêu cầu tăng cường mối liên hệ chặt chẽ gĩa ãng với ãn như sau:

- (1) ãng thường xuyên lắng nghe ý kiến của ãn, khắc phục bệnh quan liêu.
- (2) Thường xuyên vận ãng nhân ãn tham gia xõy ãựng ãng ãưới mọi hõnh thức.
- (3) ãng có trõch nhiệm ãõng cao ãõn trõ.
- (4) Trong quan hệ với ãn, ãng không ãược theo ãuôi quần chúng.

7. ãng phải thường xuyên tự chỉnh ãõn, tự ãối mới làm cho ãng thật sự trong sạch, vững mạnh

ãng là ão ãức, là văn minh tiêu biểu cho trí tuệ, ãanh dự và lương tâm của ãn tộc. ãng phải thường xuyên tự ãối mới trong ãiều kiện ãng cầm quyền. Chõnh ãõn chú ý những vấn ãe sau:

- ãng luôn vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức xứng ãng là người lõnh ão của nhân ãn.

- Cán bộ đảng viên phải toàn tâm toàn ý phục vụ nhân dân, phục vụ Tổ quốc, có đức, có tài.
- Chỳ ý khắc phục tởu cực, lụn giũ gờn Đảng trong sạch, vững mạnh.
- Đảng phải vươn lên đáp ứng yêu cầu tởnh hõnh và nhiệm vụ mới.

b. Vận dụng những nguyên tắc xây dựng Đảng của Người vào việc xây dựng và chỉnh đốn Đảng ta hiện nay?

Một trong những vấn đề bức xúc và cấp thiết hiện nay là phải xây dựng Đảng ta thật trong sạch và vững mạnh ngang tầm với yêu cầu của sự nghiệp đổi mới. Phải nâng cao sức chiến đấu và vai trò lãnh đạo của Đảng, để Đảng luôn đi tiên phong về lý luận và hoạt động thực tiễn. Đó không chỉ là nguyện vọng thiết tha của toàn thể nhân dân mà cũn là yêu cầu tất yếu của lịch sử. Sự thật này sẽ tồn tại và phát triển bất chấp mọi õm mưu và hành động phá hoại của kẻ thù. Do vậy, ghi sâu lời căn dặn, “ lý luận tạo cho các đồng chí làm công tác thực tế, sức mạnh định hướng, sự sáng suốt dự kiến tương lai, kiên định trong công tác và lũng tin ở thắng lợi của sự nghiệp của chỳng ta” (9), kiên định lý tưởng cộng sản và lập trường chính trị, tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng (1986) - những người cộng sản Việt Nam đó tự đổi mới. Khởi xướng và trong 20 năm tiến hành công cuộc đổi mới toàn diện, Đảng Cộng sản Việt Nam đó từng bước đưa đất nước ta thoát ra khỏi tởnh trạng khủng hoảng. Thực tế cho thấy, tự chỉnh đốn và tự đổi mới, Đảng ta đó trởnh được những sai lầm cố hữu, tránh được những tổn thất do chủ quan duy ý chí, đưa đất nước tiến lên.

Song cũng từ chính những lời can dặn đầy tâm huyết của Hồ Chí Minh: mỗi cán bộ, đảng viên phải đặt lợi ích của Đảng, của dân tộc lên trên hết, phải cố gắng học tập chính trị, chuyên môn, gắn bó với nhân dân, dựa vào nhân dân để xây dựng và chỉnh đốn Đảng, gương mẫu trước quần chúng, Đảng ta đó cú nhiều nghị quyết và chỉ thị của cấp vể vấn đề làm trong sạch đội ngũ đảng viên theo tinh thần của Hội nghị lần thứ 3 BCH TƯ khoá VII: “Vể một số nhiệm vụ đổi mới, chỉnh đốn Đảng”, đặc biệt là Hội nghị TƯ 6 (lần 2) khoá VIII vể xây dựng và chỉnh đốn Đảng. Đồng thời, cũng với việc nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, Đảng đó “tập trung chỉ đạo quyết liệt hơn nhiệm vụ xây dựng Đảng tương xứng với vị trí là nhiệm vụ then chốt” và nhấn mạnh nhiệm vụ “kiên quyết khắc phục sự suy thoái vể tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống trong cán bộ đảng viên” (10), thực hiện mối liên hệ gắn bó Đảng – Dân. Không ngừng tự đổi mới, tự chỉnh đốn, Đảng đồng thời phải đổi mới hơn nữa phương thức lãnh đạo để “xây dựng Đảng trong sạch vững mạnh, nâng cao sức chiến đấu và vai trò lãnh đạo, nâng cao uy tín và thanh danh của Đảng ta” (11).

Xác định vị trí của Đảng cầm quyền theo tư tưởng Hồ Chí Minh đồng nghĩa với việc khẳng định vai trò lãnh đạo của tổ chức cơ sở Đảng. Sự đoàn kết, thống nhất của tổ chức cơ sở Đảng làm nên sức mạnh vô địch của Đảng, cho nên việc coi trọng và kiện toàn các cơ sở Đảng vể các mặt: chính trị, tư tưởng, tổ chức, cán bộ... để cao tinh thần phê bõnh và tự phờ bõnh, để Đảng thành một lực lượng vững mạnh, đưa sự nghiệp đổi mới đến thành công càng trở nên cực kỳ quan trọng.

Then chốt trong công tác xây dựng và chỉnh đốn Đảng theo tư tưởng Hồ Chí Minh là thật thà tự phê bõnh và phờ bõnh. Bởi rằng, cú thường xuyên làm được như vậy, người đảng viên mới gột rửa những tư tưởng, quan điểm, hành vi sai trái với phẩm chất của của người cách mạng. Hơn nữa, phê và tự phê của người cán bộ, đảng viên chính là đấu tranh để góp phần nâng cao sức chiến đấu của Đảng, loại bỏ những phần tử xấu ra khỏi Đảng, “cốt để đoàn kết và thống nhất nội bộ”. Tuy nhiên vẫn chính Hồ Chí Minh đó từng nhiều lần nhấn mạnh, tự phờ bõnh và phờ bõnh là phải thành khẩn, trung thực, kiên quyết và có văn hoá, để đó thực sự là xây dựng Đảng, là để học cái hay và tránh cái dở. Trong bối cảnh hiện tại, khi xây dựng văn hoá Đảng đang trở nên cần thiết hơn bao giờ hết, khi tham nhũng đó trở thành quốc nạn, khi suy thoái đạo đức không cũn dừng lại ở một “bộ phận” thờ những điều căn dặn của Hồ Chí Minh vể phê và tự phê (đặc biệt ở đội ngũ lãnh đạo cấp cao) trong Đảng, vể thực hiện dân chủ, vể giám sát, kiểm tra càng trở nên cú ý nghĩa.

Chúng ta đều biết, sức mạnh của Đảng là ở sự đoàn kết, thống nhất. Chúng ta càng không quên rằng: khi khối đoàn kết, thống nhất trong Đảng rạn nứt thờ sức chiến đấu của Đảng bị tê liệt, nguồn sức mạnh vô địch của khối đại đoàn kết toàn đõn cũng vỡ thể mà suy kiệt. Vỡ vậy, càng đầy cam go, thử thách, Đảng càng phải thống nhất ý chí, thống nhất hành động trên cơ sở thấm nhuần sâu sắc chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, càng phải có tởnh thương yêu đồng chí lẫn nhau. Đảng phải gắn lợi ích giai cấp, dân tộc với đoàn kết quốc tế để tranh thủ nguồn sức mạnh của dân tộc và thời đại, đảm bảo đưa cách mạng đến thắng lợi.

Sự nghiệp Đổi mới của nhân dân Việt Nam là con đường vể vạng, tự hào song cũng đầy gian nan, thử thách. Hồ Chí Minh – Người sáng lập, xây dựng và rèn luyện Đảng ta đó yêu cầu Đảng phải thường xuyên xây dựng và chỉnh đốn để tăng cường sức mạnh, đáp ứng được yêu cầu của nhiệm vụ mới. Với Người - đó không chỉ là nhiệm vụ của một Đảng cầm quyền, đó cũn là trởch nhiệm của những người cộng sản Việt Nam trước lịch sử, nhân dân và dân tộc.

Câu 13: Quá trình lựa chọn, hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh về Nhà nước của dân, do dân, vì dân? ý nghĩa của việc hình thành tư tưởng Nhà nước dân chủ nhân dân ở Việt Nam của Hồ Chí Minh?

1. Quá trình lựa chọn, hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh về Nhà nước của dân, do dân, vì dân.

2. ý nghĩa của việc hình thành tư tưởng Nhà nước dân chủ nhân dân ở Việt Nam của Hồ Chí Minh.

Câu 14: Những nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh về Nhà nước của dân, do dân, vì dân? Vận dụng tư tưởng đó trong việc xây dựng Nhà nước ta hiện nay như thế nào?

a. Những nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh về Nhà nước của dân, do dân, vì dân.

1. Quan niệm của Hồ Chí Minh về Nhà nước của dân, do dân và vì dân.

Nếu vấn đề cơ bản của mọi cuộc cách mạng là vấn đề chính quyền thì vấn đề cơ bản của chính quyền là ở chỗ nó thuộc về ai, phục vụ quyền lợi cho ai. Năm 1927, trong cuốn “Đường Kách Mệnh” Bác chỉ rừ: “Chặng ta đó hy sinh làm kỏch mệnh, thỏ nờn làm cho đến nơi, nghĩa là làm sao kách mệnh rồi thỏ quyền giao cho đôn chýng số nhiều, chớ để trong tay một bọn ít người. Thế mới khỏi hy sinh nhiều lần, thế dân chúng mới được hạnh phúc”. Sau khi giành độc lập, Người khẳng định, “**nước ta là nước dân chủ, bao nhiêu quyền hạn đều của dân, bao nhiêu lợi ích đều vì dân... núi tím lại, quyền hành và lực lượng đều ở nơi dân**”. Đó là điểm khác nhau giữa nhà nước ta với nhà nước bóc lột đó từng tồn tại trong lịch sử.

Thế nào là nhà nước của dân?

Điều 1 Hiến pháp nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà (Năm 1946) nói: “Nước Việt Nam là một nước dân chủ cộng hoà. Tất cả quyền bính trong nước là của toàn thể nhân dân Việt Nam, không phân biệt nũi giống, gỏi trai, giàu nghèo, giai cấp, tụn giỏ.”

Điều 32, viết: “Những việc liên quan đến vận mệnh quốc gia sẽ đưa ra nhân dân phúc quyết...” thực chất đó là chế độ trưng cầu dân ý, một hỡnh thức đôn chủ để ra khá sớm ở nước ta.

“Nhõn đõn cú quyền bói miễn đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đõng nhân dân nếu những đại biểu ấy tỏ ra không xứng đáng với sự tín nhiệm của nhân dân”

Nhà nước của dân thỏ mọi người dân là chủ, người dân có quyền làm bất cứ việc gỡ mà phỏp luật khụng cấm và cú nghĩa vụ tuõn theo phỏp luật. Nhà nước của dân phải bằng mọi nỗ lực, hỡnh thành thiết chế dân chủ để thực thi quyền làm chủ của người dân. Những vị đại diện do dân cử ra chỉ là thừa uỷ quyền của dân, chỉ là công bộc của dân.

Thế nào là nhà nước do dân?

Nhà nước đó do nhân dân lựa chọn bầu ra những đại biểu của mõnh, nhà nước đó do dân ủng hộ, giúp đỡ, đóng thuế để chi tiêu, hoạt động; nhà nước đó lại do dân phê bỡnh xõy dựng, giỳp đỡ. Do đó Bác yêu cầu tất cả các cơ quan nhà nước là phải dựa vào dân, liên hệ chặt chẽ với nhân dân, lắng nghe ý kiến và chịu sự kiểm soát của nhõn đõn. “nếu chõnh phủ làm hại đõn thỏ đõn cú quyền đỏi chính phủ” nghĩa là khi cơ quan nhà nước không đáp ứng lợi ích và nguyện vọng của nhân dân thỏ nhõn đõn cú quyền bói miễn nú. Hồ Chí Minh khẳng định: mỗi người có trách nhiệm “ghé vai gánh vác một phần” vỡ quyền lợi, quyền hạn bao giờ cũng đi đôi với trách nhiệm, nghĩa vụ.

Thế nào là nhà nước vì dân?

Đó là nhà nước phục vụ lợi ích và nguyện vọng chính đáng của nhân dân, không có đặc quyền đặc lợi, thực sự trong sạch, cần kiệm liêm chính. Trong nhà nước đó, cán bộ từ chủ tịch trở xuống đều là công bộc của dân.

“Việc gỡ cú lợi cho đõn ta phải hết sức làm,

Việc gỡ cú hại đến dân ta phải hết sức tránh”

Hồ Chí Minh chỳ ý mối quan hệ giữa người chủ nhà nước là nhân dân với cán bộ nhà nước là công bộc của dân, do dân bầu ra, được nhân dân thừa uỷ quyền. Là người phục vụ, nhưng cán bộ nhà nước đồng thời là người lónh đạo, hướng dẫn nhân dân. “Nếu không có nhân dân thỏ chõnh phủ khụng đủ lực lượng. Nếu không có chính phủ thỏ nhõn đõn ai dẫn đường”. Cán bộ là đày tớ của nhân dân là phải trung thành, tận tụy, cần kiệm liêm chính..., là người lónh đạo thỏ phải cú trí tuệ hơn người, sáng suốt, nhõn xa trung rộng, gần gũi với đõn, trọng dụng hiền tài... Cõn bộ phải vừa cú đức vừa cú tài.

2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về sự thống nhất giữa bản chất giai cấp công nhân với tính nhân dân và tính dân tộc của nhà nước ta

a. Bản chất giai cấp công nhân của nhà nước ta:

Nhà nước ta mang bản chất giai cấp, “là nhà nước dân chủ nhân dân dựa trên nền tảng liên minh công nông, do giai cấp công nhân lãnh đạo”. Bản chất giai cấp công nhân biểu hiện ở chỗ:

- Nhà nước ta do đảng của giai cấp công nhân lãnh đạo. Đảng lãnh đạo bằng những chủ trương, đường lối thông qua tổ chức của mình trong quốc hội, chính phủ, các ngành, các cấp của nhà nước; được thể chế thành pháp luật, chính sách, kế hoạch của nhà nước.

- Bản chất giai cấp cũng thể hiện ở định hướng đưa nước ta đi lên chủ nghĩa xã hội. “Bằng cớch phát triển và cải tạo nền kinh tế quốc dân theo chủ nghĩa xã hội, biến nền kinh tế lạc hậu thành một nền kinh tế xã hội chủ nghĩa với công nghiệp và nông nghiệp hiện đại, khoa học và kỹ thuật tiên tiến.”

- Bản chất giai cấp của nhà nước ta cũng thể hiện ở nguyên tắc tổ chức cơ bản là nguyên tắc tập trung dân chủ. “Nhà nước ta phát huy dân chủ đến cao độ... mới động viên được tất cả lực lượng của nhân dân đưa cách mạng tiến lên. Đồng thời phải tập trung cao độ để thống nhất lãnh đạo nhân dân xây dựng chủ nghĩa xã hội.”

Bên cạnh dân chủ, Bác cũng nhắc đến chuyên chính, “chế độ nào cũng có chuyên chính. Vấn đề là ai chuyên chính với ai?”. “dân chủ là của quý báu của nhân dân, chuyên chính là của kẻ thù, của kẻ thù để để trừng phạt kẻ thù... dân chủ cũng cần chuyên chính để giữ gìn lấy dân chủ.”

b. Bản chất giai cấp của nhà nước ta thống nhất với tính nhân dân và tính dân tộc

Tính thống nhất biểu hiện ở chỗ:

- Nhà nước dân chủ mới ra đời là kết quả của cuộc đấu tranh lâu dài và gian khổ với sự hy sinh xương máu của bao thế hệ cách mạng.

- Nhà nước ta vừa mang bản chất giai cấp vừa có tính nhân dân và tính dân tộc vô cùng lợi ích của dân tộc làm nền tảng và bảo vệ lợi ích cho nhân dân. Trong thời gian Người lãnh đạo đất nước, nhờ sách lược mềm dẻo, cũng như Người dung nạp nhiều nhân sĩ, trí thức, quan lại cao cấp của chế độ cũ vào bộ máy nhà nước đó thể hiện tư tưởng nhà nước ta là nhà nước của khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

- Nhà nước ta vừa ra đời đó đảm nhiệm vai trò lịch sử là tổ chức toàn dân kháng chiến để bảo vệ nền độc lập, tự do của Tổ quốc, xây dựng một nước Việt Nam hoà bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh, góp phần tích cực vào sự phát triển tiến bộ của thế giới.

3. Tư tưởng Hồ Chí Minh về một nhà nước pháp quyền có hiệu lực pháp lý mạnh mẽ

a. Xây dựng một nhà nước hợp hiến

Nhà nước có hiệu lực pháp lý mạnh mẽ trước hết là một nhà nước hợp hiến. Vỡ vậ sau khi giành chính quyền, Hồ Chí Minh đó thay mặt chính phủ lâm thời đọc Tuyên ngôn độc lập, tuyên bố với quốc dân đồng bào và với thế giới khai sinh nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hoà. Chính phủ lâm thời có địa vị hợp pháp, tổng tuyển cử bầu ra quốc hội rồi từ đó lập chính phủ và các cơ quan nhà nước mới.

Sau đó Người bắt tay xây dựng hiến pháp dân chủ, tổ chức TỔNG TUYẾN CỬ với chế độ phổ thông đầu phiếu, thành lập uỷ ban dự thảo Hiến pháp của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà. Chủ tịch Hồ Chí Minh được Quốc hội nhất trí bầu làm chủ tịch Chính phủ liên hiệp kháng chiến. Đây là chính phủ hợp hiến đầu tiên do nhân dân bầu ra, có đầy đủ tư cách và hiệu lực trong việc giải quyết các vấn đề đối nội và đối ngoại.

b. Quản lý Nhà nước bằng pháp luật và chú trọng đưa pháp luật vào cuộc sống

Nhà nước pháp quyền có hiệu lực pháp lý là nhà nước quản lý đất nước bằng pháp luật và phải làm cho pháp luật có hiệu lực trong thực tế. Trong nhà nước dân chủ, dân chủ và pháp luật luôn đi đôi với nhau, đảm bảo cho chính quyền trở nên mạnh mẽ. Mọi quyền dân chủ phải được thể chế hoá bằng hiến pháp và pháp luật. Xây dựng một nền pháp chế XHCN đảm bảo việc thực hiện quyền lực của nhân dân là mối quan tâm của Hồ Chí Minh. Là người sáng lập Nhà nước Việt Nam dân chủ, có công lớn trong sự nghiệp lập hiến và lập pháp: một mặt, Người chăm lo hoàn thiện Hiến pháp và hệ thống pháp luật của nhà nước ta, mặt khác, Người chăm lo đưa pháp luật vào cuộc sống, tạo cơ chế đảm bảo cho pháp luật được thi hành, cơ chế kiểm tra, giám sát việc thi hành của các cơ quan nhà nước và của nhân dân. “Trăm điều phải có thần linh pháp quyền”. Sức mạnh là do con người và vỡ con người, vỡ vậ, Hồ Chí Minh yêu cầu mọi người phải hiểu và tuyệt đối chấp hành pháp luật, bất kể người đó giữ cương vị nào. Công tác giáo dục luật cho mọi người, đặc biệt là cho thế hệ trẻ cực kỳ quan trọng trong việc xây dựng một nhà nước pháp quyền có hiệu lực pháp lý, đảm bảo quyền và nghĩa vụ công dân được thực thi trong cuộc sống.

c. Tích cực xây dựng đội ngũ cán bộ công chức của nhà nước có đủ đức và tài

Để tiến tới một nhà nước pháp quyền có hiệu lực mạnh mẽ, Bác Hồ cho rằng, phải nhanh chóng đào tạo, bồi dưỡng nhằm hình thành một đội ngũ viên chức nhà nước có trình độ văn hoá, am hiểu pháp luật, thành thạo nghiệp vụ hành chính và nhất là phải có đạo đức cần kiệm liêm chính chí công vô tư, một tiêu

chuẩn cơ bản của người cầm cân công lý. Yêu cầu của đội ngũ cán bộ phải có đức và tài trong đó đức là gốc, đội ngũ này phải được tổ chức hợp lý và cú hiệu quả. Cụ thể là:

(1) Tuyệt đối trung thành với cách mạng.

(2) Hăng hái, thành thạo công việc, giỏi chuyên môn, nghiệp vụ.

(3) Phải cú mối liờn hệ mật thiết với nhõn dõn.

(4) Cán bộ, công chức phải là những người dám phụ trách, dám quyết đoán, dám chịu trách nhiệm, nhất là những tởnh huống khú khăn, “thắng không kiêu, bại không nản”.

Để đảm bảo công bằng và dân chủ trong tuyển dụng cán bộ nhà nước, Người ký sắc lệnh ban hành Quy chế cụng chức. Cụng chức theo chế độ chức nghiệp, vớ vậy phải qua thi tuyển cụng chức để bổ nhiệm vào ngạch, bậc hành chớnh. Nội dung thi tuyển khỏ toàn diện bao gồm 6 mụn thi: chính trị, kinh tế, pháp luật, địa lý, lịch sử và ngoại ngữ. Điều này thể hiện tầm nhõn xa, tởnh chớnh quy hiện đại, tinh thần công bằng dân chủ ... của tư tưởng Hồ Chí Minh trong việc xõy dựng nền móng cho phỏp quyền Việt Nam.

4. Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng nhà nước trong sạch, vững mạnh, hoạt động cú hiệu quả

+ Tăng cường và khắc phục những tiêu cực trong hoạt động của Nhà nước.

Tăng cường pháp luật đi đôi với đẩy mạnh giáo dục đạo đức. Do tập quán của kinh tế tiểu nông, muốn hõnh thành ngay một nhà nước pháp quyền là chưa được, vớ vậy một mặt phải nhấn mạnh vai trò của luật phỏp, đồng thời tăng cường tuyên truyền, giáo dục pháp luật trong nhõn dân nhất là giáo dục đạo đức. Đạo đức và pháp luật là hai hõnh thõi ý thức xõ hội cú thể kết hợp cho nhau. Khắc phục những biểu hiện tiờu cực sau:

- Đặc quyền, đặc lợi.

- Tham ụ, lóng phớ quan liờu.

- “Tư túng”, “chia rẽ”, “kiêu ngạo”.

+ Tăng cường pháp luật đi đôi với giáo dục đạo đức cách mạng. Bên cạnh giáo dục đạo đức, Người kịp thời ban hành pháp luật.

Kiền quyết chớng ba thứ “giặc nội xõm” là tham ụ, lóng phớ, quan liờu. Sức mạnh và hiệu quả của luật phỏp, một mặt dựa vào tởnh nghiờm minh của thi hành phỏp luật, mặt khỏc dựa vào sự gương mẫu, trong sạch về đạo đức của người cầm quyền. Bác nói: **“Tham ụ, lóng phớ, quan liờu, dự cố ý hay khụng, cũng là bạn đồng minh của thực dân phong kiến... tội lỗi ấy cũng nặng như tội việt gian, mật thám”**. Mác và Ăngghen đó từng cảnh tỉnh giai cấp vự sản rằng chủ nghĩa quan liờu cú thể dẫn các đảng cộng sản cầm quyền đến chỗ “đánh mất một lần nữa chính quyền vừa giành được”. Lênin cũng viết “... chúng ta bị khốn khổ trước hết về tộ quan liờu. Những người cộng sản đó trở thành tòn quan liờu. Nếu cú cỏi gỡ sẽ làm tiờu vong chỳng ta thõ chớnh là cỏi đó”.

Vớ vậy khụng thể núi đến một nhà nước trong sạch vững mạnh, hiệu quả nếu không kiên quyết, thường xuyên đẩy mạnh cuộc đấu tranh để ngăn chặn tận gốc những nguyên nhân gây ra nạn tham ô, lóng phớ, quan liờu.

b. Vận dụng tư tưởng đó trong việc xây dựng Nhà nước ta hiện nay như thế nào?

Xây dựng Nhà nước ngang tầm nhiệm vụ của giai đoạn cách mạng mới.

a) Nhà nước bảo đảm quyền làm chủ thật sự của nhõn dân

Quyền làm chủ thật sự của nhõn dân chính là một nội dung cơ bản trong yêu cầu xây dựng Nhà nước của dân, do dân, vì dân theo tư tưởng Hồ Chí Minh. Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng Nhà nước đòi hỏi phải chú trọng bảo đảm và phát huy quyền làm chủ thật sự của nhõn dân trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội. Trong vấn đề này, việc mở rộng dân chủ đi đôi với tăng cường pháp chế XHCN cú ý nghĩa quan trọng. Chính vì vậy, quyền làm chủ của nhõn dân phải được thể chế hóa bằng Hiến pháp và pháp luật, đưa Hiến pháp và pháp luật vào trong cuộc sống. Cần chú ý đến việc bảo đảm cho mọi người được bình đẳng trước pháp luật, xử phạt nghiêm minh mọi hành động vi phạm pháp luật, bất kể sự vi phạm đó do tập thể hoặc cá nhân nào gây ra. Cỏ như vậy dân mới tin và mới bảo đảm được tính chất nhõn dân của Nhà nước ta.

Để phát huy quyền làm chủ của nhõn dân lao động, ngoài vấn đề thực thi nghiêm chỉnh pháp luật, cần chú ý tới thực hiện những quy tắc dân chủ trong các cộng đồng dân cư, tùy theo điều kiện của từng vùng, miễn là các quy tắc đó không trái với những quy định của pháp luật. Theo đó, cần thực hiện tốt các Quy chế dân chủ ở cơ sở đã được Chính phủ ban hành.

b) KIỆN TOÀN BỘ MÁY HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC

Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về lĩnh vực này đòi hỏi phải chú trọng cải cách và xây dựng, kiện toàn bộ máy hành chính Nhà nước, bảo đảm một nền hành chính dân chủ, trong sạch, vững mạnh. Muốn vậy,

phải đẩy mạnh cải cách hành chính theo hướng dân chủ, trong sạch, vững mạnh, phục vụ đắc lực và có hiệu quả đối với nhân dân. kiên quyết khắc phục quan liêu, hách dịch, cửa quyền, gây phiền hà, sách nhiễu, tham nhũng, bộ máy công kênh, kém hiệu lực, một bộ phận không nhỏ cán bộ, công chức sa sút phẩm chất đạo đức cách mạng, năng lực thực hành nhiệm vụ công chức kém cỏi.

Thực hiện tư tưởng Hồ Chí Minh trong điều kiện hiện nay còn cần chú ý cải cách các thủ tục hành chính; đề cao trách nhiệm trong việc giải quyết các khiếu kiện của công dân theo đúng những quy định của pháp luật; tiêu chuẩn hóa cũng như sắp xếp lại đội ngũ công chức, xây dựng một đội ngũ cán bộ, công chức vừa có đức, vừa có tài, tinh thông chuyên môn, nghiệp vụ. Nguồn lực đội ngũ công chức yếu thì không thể nói đến một Nhà nước pháp quyền của dân, do dân, vì dân mạnh được. Do vậy, công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức phải được đặt lên hàng đầu và phải được tiến hành thường xuyên, bảo đảm chất lượng. Theo đó, hệ thống các trường dạy nghề, đặc biệt là các trường đào tạo, bồi dưỡng cán bộ chuyên ngành tư pháp phải được đổi mới, nâng cao chất lượng đào tạo.

c) Tăng cường hơn nữa sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước

Công cuộc xây dựng, chỉnh đốn Đảng tất yếu gắn liền với tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước. Đây là trách nhiệm cực kỳ quan trọng của Đảng với tư cách là Đảng cầm quyền. Trong giai đoạn hiện nay, vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào việc tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước thể hiện ở những nội dung như: lãnh đạo Nhà nước thể chế hóa đường lối, chủ trương của Đảng, bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng và phát huy vai trò quản lý của Nhà nước; đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước: lãnh đạo bằng đường lối, bằng tổ chức, bộ máy của Đảng trong các cơ quan Nhà nước, bằng vai trò tiên phong, gương mẫu của đội ngũ đảng viên hoạt động trong bộ máy Nhà nước, bằng công tác kiểm tra, Đảng không làm thay công việc quản lý của Nhà nước. Đảng thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ trong hệ thống chính trị trên cơ sở bảo đảm chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Nhà nước theo luật định. Bản chất, tính chất của Nhà nước ta gắn liền với vai trò, trách nhiệm của Đảng cầm quyền, do đó, đến lượt Đảng, một tiền đề tất yếu được đặt ra là sự trong sạch, vững mạnh của Đảng Cộng sản Việt Nam chính là yếu tố quyết định cho thành công của việc xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN của dân, do dân, vì dân theo tư tưởng Hồ Chí Minh.

Câu 15: Những thuận lợi, nguy cơ và thách thức đối với nhân dân ta ngày nay? Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh có ý nghĩa như thế nào đối với giai đoạn cách mạng hiện nay ở Việt Nam?

1. Những thuận lợi, nguy cơ và thách thức đối với nhân dân ta ngày nay.

Đại hội VI của Đảng (năm 1986) đã đề ra đường lối đổi mới toàn diện đất nước. Việt Nam chính thức bước vào thời kỳ đổi mới. Việt Nam kiên trì chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, tiếp tục đi theo con đường mà Hồ Chí Minh đã lựa chọn. Thực hiện đường lối đổi mới đất nước ở Việt Nam có những đặc điểm chủ yếu sau đây:

Một là: đất nước đã thu được những thành tựu cơ bản.

Đất nước trải qua hàng chục năm chiến tranh khốc liệt để lại hậu quả nặng nề; các thế lực phản động chống phá quyết liệt nhằm phủ nhận thành quả cách mạng Việt Nam khiến đất nước lâm vào cuộc khủng hoảng kinh tế-xã hội. Dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, đất nước ta đã vượt qua được những thử thách đó, đã thoát ra khỏi cuộc khủng hoảng kinh tế-xã hội, bước vào thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Hiện nay, Việt Nam đang xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng XHCN, xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN của dân, do dân, vì dân dưới sự lãnh đạo của Đảng. Việt Nam đang chủ động hội nhập kinh tế quốc tế mở cửa, sẵn sàng là bạn, là đối tác tin cậy của các nước trong cộng đồng quốc tế, phấn đấu vì hòa bình, độc lập và phát triển.

Trước những năm đổi mới, nền kinh tế của đất nước tiếp tục phát triển với nhịp độ cao so với các nước khác trong khu vực. Tình hình chính trị của đất nước luôn luôn giữ được ổn định. Tình hình xã hội có tiến bộ. Đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân không ngừng được cải thiện. Vị thế của đất nước không ngừng được nâng cao trên trường quốc tế. Thế và lực của đất nước ta mạnh lên rất nhiều so với những năm trước đổi mới cho phép nước ta tiếp tục phát huy nội lực kết hợp tranh thủ ngoại lực để phát triển nhanh và bền vững, trước mắt phấn đấu đến năm 2020 về cơ bản làm cho Việt Nam trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại; nguồn lực con người, năng lực khoa học và công nghệ, kết cấu hạ tầng, tiềm lực kinh tế, quốc phòng, an ninh được tăng cường; thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN được hình thành về cơ bản; vị thế của nước ta trên trường quốc tế tiếp tục được nâng cao.

Hai là: Việt Nam đang đứng trước cơ hội lớn và thách thức lớn đan xen nhau.

Sự nghiệp đổi mới của nước ta trong những năm tới, có cơ hội lớn để phát triển của đất nước. Đó là lợi thế so sánh để phát triển do nhiều yếu tố, trong đó yếu tố nội lực là hết sức quan trọng. Những cơ hội tạo

cho đất nước ta có thể đi tắt, đón đầu, tiếp thu nhanh những thành tựu của cách mạng khoa học và công nghệ trên thế giới. Thực hiện đường lối ngoại giao Hồ Chí Minh, quan hệ đối ngoại rộng mở và tăng cường hợp tác quốc tế theo phương châm độc lập tự chủ, đa phương hóa, đa dạng hóa, hợp tác các bên đều có lợi trên cơ sở tôn trọng các quyền dân tộc cơ bản của mỗi quốc gia-dân tộc là độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ. Mặt khác, chúng ta rút ra được nhiều bài học từ cả những thành công và yếu kém của gần hai chục năm tiến hành sự nghiệp đổi mới để đẩy mạnh sự nghiệp cách mạng, nhất là trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Những thành tựu và thời cơ đã cho phép nước ta tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ, đưa Việt Nam trở thành một nước công nghiệp, tiếp tục ưu tiên phát triển lực lượng sản xuất, đồng thời xây dựng quan hệ sản xuất phù hợp theo định hướng XHCN, phát huy hơn nữa nội lực. Đồng thời Đảng và Nhà nước ta tranh thủ nguồn lực bên ngoài và chủ động hội nhập kinh tế quốc tế để phát triển nhanh, có hiệu quả và bền vững; tăng trưởng kinh tế đi liền với phát triển văn hóa, từng bước cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, bảo vệ và cải thiện môi trường; kết hợp phát triển kinh tế-xã hội với tăng cường an ninh quốc phòng.

Tuy vậy, chúng ta cũng đang đứng trước những thách thức, nguy cơ hay những khó khăn lớn trên con đường phát triển của đất nước. Bốn nguy cơ mà Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ Đại hội VII của Đảng đã chỉ ra vẫn còn tồn tại. Các nguy cơ đó diễn biến phức tạp, đan xen và tác động lẫn nhau, chúng ta không thể xem nhẹ nguy cơ nào. Trong tình hình thế giới hiện nay, phát triển nhanh và bền vững là một thách thức lớn. Nếu nước ta không tận dụng cơ hội hiện nay để phát triển nhanh, thoát khỏi nghèo nàn và lạc hậu thì cơ hội sẽ bị bỏ lỡ. Nguy cơ chệch hướng XHCN phải được đề phòng không những ở việc xây dựng và thông qua cương lĩnh, đường lối, chủ trương, nghị quyết, pháp luật của Đảng và Nhà nước mà còn ở trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ kinh tế-xã hội. Nạn tham nhũng, tệ quan liêu cũng như sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống cản trở việc thực hiện có hiệu quả đường lối, chủ trương, giảm niềm tin trong nhân dân. Các thế lực phản động không ngừng tìm mọi cách thực hiện âm mưu “diễn biến hòa bình”, chống phá sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo.

2. Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh có ý nghĩa như thế nào đối với giai đoạn cách mạng hiện nay ở Việt Nam?